



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN

MÔN

TIẾNG VIỆT

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

lớp **1**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

Trang

MÔN TIẾNG VIỆT 1	5
Phần một: Hướng dẫn chung	5
Phần hai: Gợi ý, hướng dẫn tổ chức dạy học một số kiểu bài	46
Phần ba: Các nội dung khác	69

MÔN TIẾNG VIỆT 1

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 1

1.1. Quan điểm biên soạn

Quan điểm giao tiếp và quan điểm tích hợp là hai quan điểm biên soạn được nhóm tác giả sách giáo khoa (SGK)¹ *Tiếng Việt* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* tuân thủ. Nhóm tác giả quan niệm SGK *Tiếng Việt* cấp Tiểu học nói chung và sách *Tiếng Việt 1* nói riêng cần đảm bảo: (1) sự phù hợp giữa chương trình, SGK với cách thức học, khả năng tham gia hoạt động học tập của mỗi học sinh (HS); (2) việc tạo “môi trường ngôn ngữ” tốt nhất giúp HS hình thành và phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe.

1.2. Những điểm mới

a. *Tiếng Việt 1* tạo điều kiện để giáo viên (GV) tổ chức dạy học và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cho HS trên cùng một ngữ liệu nguồn. Đó là từ bài đọc, trên cơ sở bài đọc, năng lực ngôn ngữ của HS được rèn luyện và phát triển.

b. *Tiếng Việt 1* tạo cơ sở để GV hướng dẫn HS rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe; sách tạo điều kiện để GV sử dụng phương pháp dạy học đa giác quan – phương pháp dạy học giúp HS tiếp nhận kiến thức, rèn luyện kỹ năng bằng nhiều kênh khác nhau, như thị giác, thính giác, xúc giác. Nhờ đó, HS tiếp nhận kiến thức và phát triển các kỹ năng có hiệu quả hơn.

c. *Tiếng Việt 1* liên kết các thể loại văn bản trong trục chủ đề của bài học. Chủ đề chi phối các thể loại bài đọc cũng như định hướng và chi phối các hoạt động rèn luyện và phát triển các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe.

d. *Tiếng Việt 1* gia tăng tỉ lệ các văn bản thông tin với hai thể loại cơ bản, có tính nền tảng và phù hợp với đặc điểm tâm lý nhận thức của HS: văn bản thông tin khoa học thường thức, văn bản giới thiệu về một sự vật, hiện tượng. Ngoài ra, có một số bài đọc là văn bản hướng dẫn. Đồng thời, sách cũng chú ý tới việc tích hợp dạy đọc, viết, nói và nghe với dạy các môn học khác trong

¹ Khi xét trong hệ thống với sách giáo viên, VBT, vở tập viết, SGK sẽ được gọi là sách học sinh (SHS).

chương trình, như *Đạo đức, Mĩ thuật, Giáo dục thể chất, Hoạt động trải nghiệm, Tự nhiên và Xã hội*,...

e. Tiếng Việt 1 thiết kế các bài học theo dạng hoạt động. Theo đó, các bài học đều bắt đầu bằng hoạt động nói và nghe giúp HS khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ, vốn sống để rút ra những nội dung liên quan đến bài học, đồng thời cảm nhận được ý nghĩa của việc đọc, viết; từ đó tự giác tham gia vào hoạt động đọc viết và vận dụng các điều đã học ở bài học để nói, nghe, viết (sáng tạo). Quy trình khép kín và nâng cao này sẽ góp phần gia tăng năng lực sử dụng tiếng Việt, năng lực tư duy cho HS. Ngoài ra, *Tiếng Việt 1* cũng thể hiện hoạt động đọc mở rộng theo tiến trình hợp lí nhằm giúp GV có thể tổ chức các hoạt động hướng dẫn HS đọc mở rộng hiệu quả.

g. Tiếng Việt 1 xây dựng các chủ đề với những tên gọi gần gũi, thân thuộc với HS, lấy HS làm trung tâm, phát triển và mở rộng dần theo nguyên tắc đồng tâm. Chẳng hạn các chủ đề ở học kì I: 1. *Những bài học đầu tiên*, 2. *Bé và bà*, 3. *Đi chợ*, 4. *Kì nghỉ*, 5. *Ở nhà*, 6. *Đi sở thú*, 7. *Thể thao*, 8. *Đồ chơi – trò chơi*, 9. *Vui học*, 10. *Ngày chủ nhật*, 11. *Bạn bè*, 12. *Trung thu*, 13. *Thăm quê*, 14. *Lớp em*, 15. *Sinh nhật*, 16. *Ước mơ*, 17. *Vườn ươm*, 18. *Những điều em đã học*. Sang học kì II, những nội dung về bản thân HS, gia đình, quê hương, đất nước, thiên nhiên được tiếp tục mở rộng. Chẳng hạn *Những bông hoa nhỏ*, *Những người bạn đầu tiên*, *Mẹ và cô*, *Biển đảo yêu thương*, *Làng quê yên bình*, *Phố xá nhộn nhịp*, *Chúng mình thật đặc biệt*,... Mặt khác, qua các bài học, các nội dung giáo dục về sự chia sẻ, về những nét đẹp của văn hoá, phong tục tập quán phần nhiều được bố trí sắp xếp gần hoặc trùng với các dịp lễ tết, với các hoạt động văn hoá, giáo dục (*Lớp em* được học vào dịp 20/11, *Tết quê em* được học vào dịp tết Nguyên đán; *Mẹ và cô* được học vào dịp 8/3), v.v..

h. Tiếng Việt 1 chú trọng phát huy vai trò của kênh hình. Trong phần dạy học âm vần, sách dùng các biểu tượng đơn giản, dễ nhận biết để chỉ dẫn HS các hoạt động đọc, viết, nói, nghe. Sang phần Luyện tập tổng hợp, tuy các câu lệnh đã thể hiện rõ nội dung hoạt động học tập, nhưng sách vẫn tiếp tục dùng biểu tượng để “phạm trù hoá” các hoạt động cụ thể vào từng kiểu loại kĩ năng giao tiếp: đọc, viết, nói và nghe, đồng thời làm tăng thêm tính hấp dẫn của sách đối với HS. Sách cũng thiết kế mô hình đánh vần thay cho khung phân tích tiếng để giúp cho việc học âm vần hiệu quả hơn, nhờ đó phát triển nhanh hơn kĩ năng đọc thành tiếng và tập viết, viết chính tả.

Tiếng Việt 1 SGK được in với giấy chất lượng tốt, nhiều tranh ảnh được đầu tư công phu, nhờ vậy các trang sách có tính thẩm mỹ cao, gây hứng thú với HS.

Kèm SGK là sách giáo viên (SGV) gồm giới thiệu chung về bộ sách, hướng dẫn dạy học các kiểu bài và các thiết kế (giáo án) hướng dẫn dạy học các bài cụ thể mà SGK đã hiện thực hoá, cụ thể hoá Chương trình. Đồng thời, *Tiếng Việt 1* còn gồm vở tập viết (VTV), Vở bài tập (VBT) và sách đọc mở rộng (theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới) để giúp HS rèn luyện, phát triển các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe.

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

Theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, *Tiếng Việt 1* biên soạn cho 35 tuần thực học, tổng cộng 420 tiết; chia thành hai tập:

– Tập một dành cho học kì I: 18 tuần, mỗi tuần 12 tiết, gồm 6 tuần học âm chữ (tuần 1 – 6), 11 tuần học vần (tuần 7 – 17), 1 tuần ôn tập, kiểm tra cuối học kì I (tuần 18).

– Tập hai dành cho học kì II: 17 tuần, mỗi tuần 12 tiết; gồm 2 tuần học vần (tuần 19 và tuần 20), 14 tuần “Luyện tập tổng hợp” và 1 tuần ôn tập, kiểm tra cuối học kì II (tuần 35).

2.1. Cấu trúc sách Tiếng Việt 1, tập một

2.1.1. Cấu trúc chung của sách Tiếng Việt 1, tập một

Tiếng Việt 1, tập một có 17 chủ đề tương ứng với 17 tuần, tuần 18 dành cho ôn tập và kiểm tra cuối học kì I. Mỗi chủ đề có 5 bài; trong đó 4 bài học âm vần mới và 1 bài ôn tập – kể chuyện.

Nội dung của các bài học âm vần mới và nội dung tiết kể chuyện đều là sự cụ thể hoá chủ đề. VD: ở chủ đề 2, tuần 2, *Bé và bà*, nội dung từ khoá, tiếng khoá, câu đọc ứng dụng của các bài 1, 2, 3, 4 và nội dung bài 5 *Ôn tập – kể chuyện* đều liên quan đến bé và bà.

2.1.2. Cấu trúc chủ đề, bài học

2.1.2.1. Chủ đề và tên gọi chủ đề

Các chủ đề được sắp xếp theo đơn vị tuần và xuyên suốt trong tất cả các tuần học. Trừ tuần 1 được đặt tên *Những bài học đầu tiên*, tên chủ đề của tất cả các tuần còn lại đều chứa ít nhất một âm vần được học trong tuần, không

có âm vần chưa học. Các nội dung dạy học đọc, viết, nói, nghe và kể chuyện được kết nối theo chủ đề. Tên truyện mà HS được nghe kể hoặc xem tranh và kể cũng có ít nhất một âm vần được học trong tuần và không có âm vần chưa học. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu từ ngữ luyện đọc phải gần gũi, thân thiện, trong sáng phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí HS lớp 1, nên ở một vài trường hợp từ ngữ (mở rộng, ứng dụng) chưa thật phù hợp với chủ đề. Nhưng những trường hợp này không nhiều. Việc lấy chủ đề làm “đường dây kết nối” các hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong suốt một tuần học làm cho bài học có định hướng về nội dung, góp phần giúp HS phát triển các kĩ năng giao tiếp thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, các chủ đề đều được sắp xếp theo hướng lấy HS làm trung tâm, xoay quanh HS và mở rộng vốn sống cho HS.

Mỗi chủ đề đều gồm 5 bài học, trong đó có 4 bài học âm vần mới và 1 bài ôn tập – kể chuyện. Mở đầu mỗi tuần, HS được trao đổi, nói và nghe xung quanh tên gọi chủ đề để rèn kĩ năng tư duy, kĩ năng phỏng đoán đồng thời góp phần vào việc phát triển lời nói cho HS. Bốn bài học âm vần mới trong tuần là sự cụ thể hoá chủ đề, cung cấp kiến thức, rèn luyện phẩm chất và năng lực cho HS qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe. Bài ôn tập – kể chuyện cuối tuần giúp cho HS củng cố các kiến thức, kĩ năng được học trong tuần và rèn luyện thêm về đọc, viết, nói và nghe. Tiết kể chuyện ở bài 5 tập trung rèn luyện kĩ năng nghe và kể chuyện, kĩ năng quan sát, phỏng đoán về nội dung câu chuyện qua việc đọc tên truyện và xem tranh. Bên cạnh các bài nghe – kể thường thấy, còn có kiểu bài xem – kể (kiểu bài yêu cầu HS quan sát tranh, trả lời câu hỏi, kể từng đoạn theo tranh).

2.1.2.2. Bài học âm vần mới

Các bài học âm vần mới trong tuần gồm 4 bài liên tiếp được xếp theo từng nhóm âm vần. Mỗi bài học âm vần mới được học trong 2 tiết.

Bài học âm vần mới gồm 7 nội dung như sau:

a. Tranh khởi động. Tranh khởi động được đặt ở vị trí đầu tiên của mỗi bài. Tranh khởi động có nội dung phù hợp với chủ đề. Trong tranh có hình ảnh các sự vật, hiện tượng mà tên gọi của chúng là từ ngữ có tiếng chứa âm vần mới được học trong bài. Tranh khởi động giúp GV tổ chức cho HS nói về bài học, kích thích hứng thú của HS trong việc tiếp thu bài học về âm vần mới trong sự kết nối với bài học trước.

b. Các âm vần được học và mô hình đánh vần tiếng. Ngay dưới tranh khởi động là danh sách các âm vần được học trong bài và mô hình đánh vần tiếng.

c. Các từ ngữ chứa tiếng khoá kèm hình ảnh minh họa dùng cho HS đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá.

d. Mẫu chữ các âm, vần và chữ có âm vần mới dùng cho tập viết.

e. Các từ ngữ ứng dụng (mở rộng) kèm theo hình ảnh minh họa dùng cho HS luyện đọc âm vần mới và mở rộng vốn từ cho HS.

g. Câu, đoạn, bài đọc ứng dụng dùng cho HS luyện đọc câu, đoạn, bài ứng dụng, củng cố âm vần được học.

h. Hoạt động mở rộng. Hoạt động mở rộng được xếp vào cuối mỗi bài học âm vần mới. Hoạt động này mang tính tích hợp nhằm giúp HS vận dụng những nội dung/ kĩ năng vừa học trong bài với thực tế cuộc sống, với các kĩ năng và kiến thức của các môn học khác (mĩ thuật, âm nhạc...), mở rộng hiểu biết về văn hoá, xã hội, khoa học. Qua hoạt động mở rộng, HS được củng cố mở rộng về âm vần vừa được học một cách hiệu quả. VD: Bài *et êt it*, tuần 11, chủ đề *Ngày chủ nhật*.

Bài 2 et êt it

bỏ kết

vịt bầu

vẹt mỏ đỏ

et êt it

s	et
sét	

đất sét

tết tóc

quả mít

Bé tô màu quả mít và chú vịt bầu.
Rồi vừa chơi đất sét, bé vừa hát:
– Tết Tết Tết tôi rồi
Cả nhà vui rất vui.

Đọc về chúc Tết

chúc Tết
chúc Tết
chúc Tết
về chúc Tết

et êt it

❖ Ngoài 4 bài học âm vần mới được thể hiện ở SGK như vừa nêu, *Tiếng Việt 1* có bài thực hành được thể hiện ở VBT. Các nội dung thực hành thường là sự mở rộng thêm về từ ngữ, rèn luyện thêm về chính tả, đọc đúng và đọc hiểu tùy bài với nhiều hình thức bài tập. GV hướng dẫn HS làm thêm vào buổi chiều. Với những HS khá giỏi, GV có thể cho các em làm vào buổi sáng nếu các em đã hoàn thành bài buổi sáng.

2.1.2.3. Bài Ôn tập và kể chuyện

a. Ôn tập

Bài Ôn tập được học trong 2 tiết, có nội dung ôn tập lại các âm vần được học trong tuần, bao gồm:

a.1. Bảng ôn âm chữ (cho 6 tuần học âm chữ)/ danh sách các vần được học trong tuần.

a.2. Bài đọc ứng dụng và câu hỏi đọc hiểu.

Các bài đọc ứng dụng đều có các từ ngữ có tiếng chứa âm vần được học trong tuần. Để giúp HS dễ nhớ vần được học, các bài ôn vần từ tuần 8 đến hết tuần 20 đều được thể hiện dưới dạng thơ hoặc văn vần.

Từ tuần 13, chủ đề *Thăm quê*, dưới bài đọc ứng dụng có câu hỏi về nội dung bài hoặc hỏi về chi tiết nào đó trong bài nhằm hình thành và phát triển kỹ năng đọc hiểu cho HS.

a.3. Cụm từ dùng cho tập viết

❖ Ở bài ôn tập từ tuần 7, tức từ phần vần trở đi đều có nội dung luyện tập chính tả do GV tự thiết kế. Nội dung này được chừa sẵn trong VBT để GV chủ động dựa trên thực tế HS của lớp mình giảng dạy thiết kế bài tập rèn chính tả có quy tắc hoặc chính tả phương ngữ.

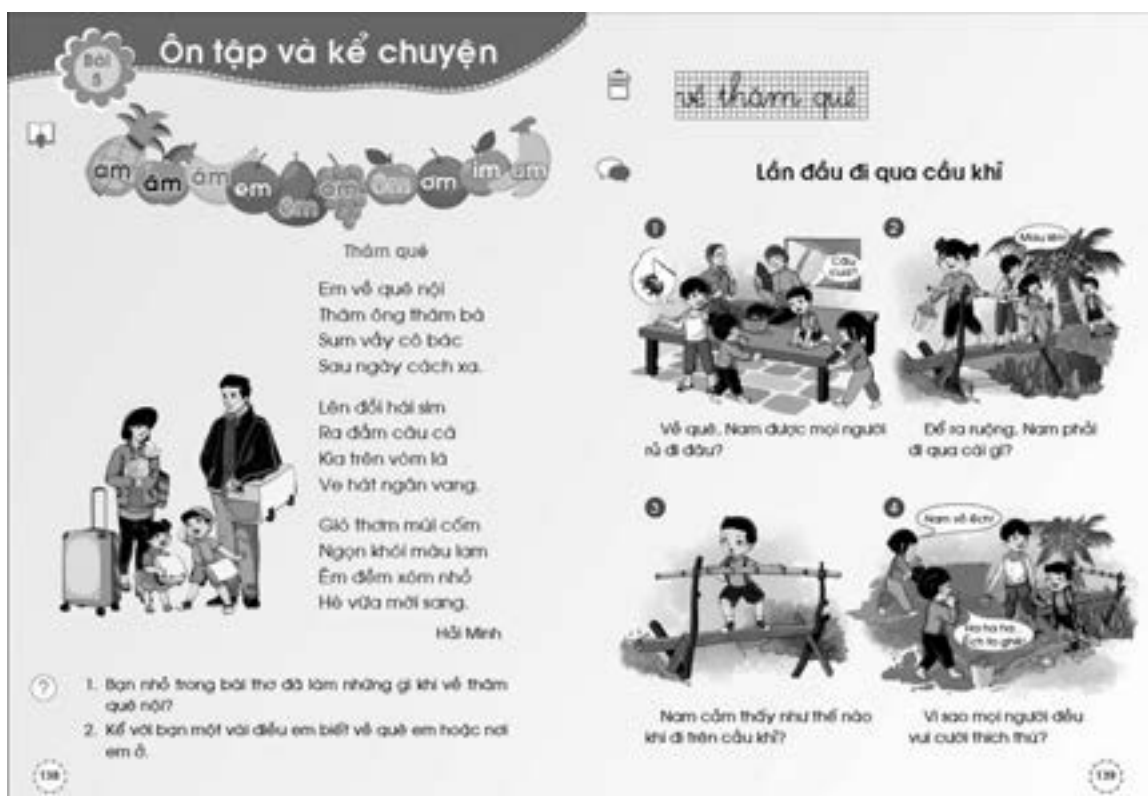
b. Kể chuyện

Bài Kể chuyện dạy trong 1 tiết. Nội dung truyện liên quan với chủ đề được học. Bài kể chuyện gồm:

b1. *Tên truyện*: tên truyện thường có một, hai âm vần được học trong tuần, không chứa âm vần chưa học.

b2. *Tranh minh họa từng đoạn truyện* kèm câu gợi ý hoặc câu hỏi hoặc cụm từ gợi ý. Theo tiến trình học tập của HS, phần gợi ý dưới từng tranh minh họa được lũy tiến theo thứ tự: câu gợi ý (tuần 1 – 11) → câu hỏi (tuần 12 – 17).

Kiểu bài Kể chuyện ở *Tiếng Việt 1*, tập một, chủ yếu là kiểu bài nghe kể; có một số bài được thiết kế dạng xem – kể dưới dạng yêu cầu *xem tranh, trả lời câu hỏi*, VD: chủ đề 12 *Trung thu*, truyện *Sự tích chú Cuội cung trăng*; chủ đề 13 *Thăm quê*, truyện *Lần đầu đi qua cầu khỉ*; chủ đề 14 *Lớp em*, truyện *Bạn cùng lớp*; chủ đề 15 *Sinh nhật*, truyện *Sinh nhật đáng nhớ của mèo con*.



VD: Bài Ôn tập và kể chuyện ở tuần 13, chủ đề *Thăm quê*.

2.2. Cấu trúc sách Tiếng Việt 1, tập hai

2.2.1. Cấu trúc chung của sách Tiếng Việt 1, tập hai

Sách *Tiếng Việt 1*, tập hai, ngoài 2 tuần đầu tiếp tục dạy học vần, từ tuần 21 đến tuần 34, HS được “Luyện tập tổng hợp”, học các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe xoay quanh các văn bản thuộc các kiểu loại khác nhau. Phần “Luyện tập tổng hợp” có 14 chủ đề tương ứng với 14 tuần.

2.2.2. Cấu trúc chủ đề, bài học

2.2.2.1. Chủ đề và tên gọi chủ đề

Tương tự như phần học âm vần, ở phần luyện tập tổng hợp, các chủ đề được sắp xếp theo đơn vị tuần. Các nội dung dạy học đọc, viết, nói, nghe và kể chuyện trong suốt cả tuần sẽ được kết nối xung quanh chủ đề của tuần. Việc

lấy chủ đề làm “đường dây kết nối” các hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong suốt một tuần học làm cho bài học có định hướng về nội dung, góp phần giúp HS phát triển các kỹ năng giao tiếp thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, các chủ đề đều được sắp xếp theo hướng lấy HS làm trung tâm, xoay quanh HS và mở rộng cuộc sống quanh HS.

Mỗi chủ đề có 12 tiết, gồm 10 tiết dạy đọc, viết, nói và nghe xoay quanh các văn bản, 1 tiết kể chuyện và 1 tiết thực hành luyện tập các kỹ năng. Các chủ đề này đều lấy HS làm trung tâm, từ đó giáo dục về gia đình, trường học, quê hương đất nước, thiên nhiên, môi trường sống, như *Những người bạn đầu tiên*, *Mẹ và cô*, *Làng quê yên bình*, *Phố xá nhộn nhịp*, ... Tuần ôn tập và kiểm tra học kì II – tuần 35 – gồm các bài ôn tập và đề kiểm tra cuối năm (dùng tham khảo).

Mỗi chủ đề đều gồm 4 bài học, trong đó có 3 bài tập đọc kết hợp rèn luyện các kỹ năng tập viết, chính tả, luyện tập sử dụng từ và 1 bài kể chuyện. Văn bản dùng cho tập đọc gồm hai văn bản văn xuôi (một văn bản truyện/ văn bản miêu tả văn chương và một văn bản thông tin/ văn bản giới thiệu) và một văn bản thơ (văn bản dùng cho kể chuyện in ở SGK).

2.2.2.2. Bài đọc

Các văn bản dùng cho hoạt động đọc (tập đọc) đều gồm đọc lưu loát và đọc hiểu trong thời lượng 2 tiết, với cấu trúc như sau:

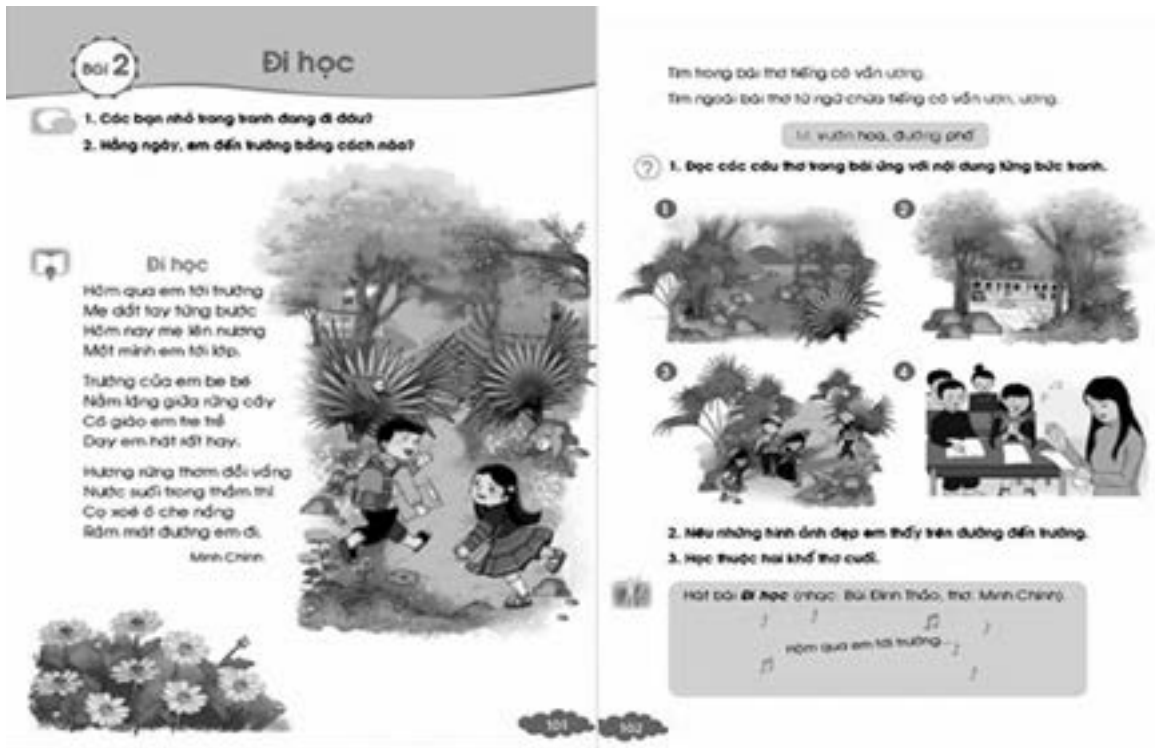
- a. Tranh khởi động và câu hỏi/ câu lệnh dùng cho hoạt động khởi động (nếu có).
- b. Văn bản đọc và tranh minh họa bài đọc (nếu có).
- c. Yêu cầu nhận diện một số vần có trong hoặc ngoài văn bản vừa đọc để ôn luyện củng cố kiến thức về vần và phát triển vốn từ, phát triển lời nói.
- d. Các câu hỏi đọc hiểu.

❖ Với văn bản đọc thuộc thể loại thơ

Nếu văn bản đọc thuộc thể loại thơ, thì ngoài 4 mục (từ a đến d) như vừa nêu còn có 2 nội dung (2 mục) sau:

- e. Yêu cầu liên hệ thực tiễn.
- g. Hoạt động mở rộng (tương tự hoạt động mở rộng ở phần văn).

VD: Văn bản thơ thuộc chủ đề *Đường tới trường*, tuần 29.



❖ Với văn bản đọc thuộc thể loại văn xuôi

Nếu văn bản dùng cho hoạt động đọc là văn bản văn xuôi (truyện hoặc văn miêu tả văn học, văn bản thông tin hoặc văn bản giới thiệu), ngoài 4 mục (từ a đến d) như vừa nêu, còn có các nội dung sau:

e. Luyện viết chữ hoa (tô chữ viết hoa, nhìn – viết câu có chữ viết hoa được tô).

g. Viết chính tả, làm bài tập chính tả để tránh những lỗi chính tả thường gặp do đặc điểm của chữ quốc ngữ hoặc do đặc điểm ngữ âm phương ngữ.

h. Luyện nói mở rộng theo nội dung của văn bản đã đọc và nội dung của chủ đề, gồm mở rộng vốn từ và phát triển lời nói.

i. Luyện viết 1 – 2 – 3 câu ngắn dựa trên những gì đã nói.

k. Hoạt động mở rộng, vận dụng những gì đã học vào thực tế đời sống với những hình thức thông dụng và được các em ưa thích như chơi trò chơi, hát, vẽ,... về những nội dung có liên quan đến chủ đề của bài học và luyện viết.

VD: Văn bản văn xuôi thuộc chủ đề *Đường tới trường*.



2.2.2.3. Bài Kể chuyện

Như phần âm văn, bài *Kể chuyện* ở phần Luyện tập tổng hợp được dạy trong 1 tiết. Nội dung truyện liên quan với chủ đề được học. Bài Kể chuyện gồm:

a. *Tên truyện.*

b. *Câu lệnh nêu yêu cầu.* Tùy vào tiến trình kể chuyện, câu lệnh có thể là *Xem tranh và trả lời câu hỏi* hoặc *Nghe kể chuyện*.

c. *Tranh minh họa từng đoạn truyện* kèm câu hỏi hoặc cụm từ gợi ý. Theo tiến trình học tập của HS, phần gợi ý dưới từng tranh minh họa được luỹ tiến theo thứ tự: câu hỏi (tuần 19 – 24) → cụm từ gợi ý (tuần 25 – 34).

d. *Câu lệnh nêu yêu cầu* kể toàn bộ câu chuyện. (Ở kiểu bài *xem – kể*, chỉ yêu cầu *Kể lại từng đoạn câu chuyện theo tranh*, và đặt dưới câu lệnh *Xem tranh và trả lời câu hỏi*.)

VD: Cấu trúc bài kể chuyện kiểu bài *xem tranh và kể* (tuần 23, chủ đề *Tết quê em*), và kiểu bài *nghe kể* (tuần 29, chủ đề *Đường đến trường*).

BÀI 4

Đêm giao thừa ý nghĩa



1. Xem tranh và trả lời câu hỏi.
2. Kể lại từng đoạn câu chuyện theo tranh.



52

BÀI 4

Chuyện hai chú thỏ



1. Nghe kể chuyện.
2. Kể lại từng đoạn câu chuyện theo tranh.



53

Ngoài cấu trúc chung cho tất cả các tuần như vừa nêu trên, còn có hai, ba tuần có nội dung đọc mở rộng theo yêu cầu của chương trình (đọc văn bản thơ, truyện hoặc văn bản thông tin, văn bản hướng dẫn có độ dài tương đương với văn bản được đọc trong tuần). Hoạt động này, được xếp chung vào nhóm hoạt động đọc mở rộng.

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT

Định hướng chung về phương pháp dạy học môn Tiếng Việt là dạy học theo quan điểm giao tiếp, dạy học phân hoá và quan điểm tích hợp; đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp, kỹ thuật dạy học và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ, kinh nghiệm xã hội và tăng cường các cơ hội thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cho HS.

Theo đó, các yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Tiếng Việt mà GV cần chú ý như sau:

GV chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện các yêu cầu tích hợp nội môn (kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất – năng lực môn Tiếng Việt), tích hợp liên

môn (dạy học môn Tiếng Việt thông qua các môn học khác), tích hợp xuyên môn (các nội dung giáo dục ưu tiên), dạy học phân hoá tùy theo đối tượng HS.

GV tăng cường tạo ra các cơ hội, ngữ cảnh để giúp HS có cơ hội khai thác vốn kinh nghiệm ngôn ngữ của mình, thực hành, sử dụng, vận dụng các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ mới thông qua nhiều hình thức tổ chức hoạt động khác nhau.

GV chú ý tăng cường việc lồng ghép phát triển các năng lực chung và năng lực tư duy cho HS. Kết hợp việc học văn bản ngôn ngữ với các văn bản đa phương thức khác (tranh, ảnh, sơ đồ, bảng biểu, kí hiệu, truyền hình,...).

GV tạo cơ hội cho HS phát huy tính chủ động, tích cực, tự lực, sáng tạo và hợp tác trong các hoạt động học và sử dụng ngôn ngữ. Tăng cường cơ hội để HS hiểu về bản thân, thể hiện và bảo vệ ý kiến, quan điểm cá nhân. Tạo cơ hội cho HS nghe đọc mở rộng, nói viết sáng tạo ngoài SGK.

3.1. Phương pháp dạy học nói – nghe

Mục đích của hoạt động dạy học nói và nghe ở lớp 1 là giúp HS có khả năng nghe hiểu đúng, biết tôn trọng các quy tắc trong khi nói và nghe, có thái độ phù hợp trong khi nghe – nói, có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin.

Do đó, trong dạy nghe, GV cần hướng dẫn HS cách nắm bắt nội dung nghe, cách hiểu đúng thông điệp mà người nói truyền tải, đánh giá quan điểm của người nói, có thái độ nghe phù hợp, tích cực và tôn trọng người nói. GV có thể sử dụng các bảng biểu quy tắc, hướng dẫn, làm mẫu cách nghe, hiểu và đánh giá nội dung được nghe.

Trong dạy nói, GV cần hướng dẫn HS quan sát, phân tích mẫu, cách làm và thực hành. GV sử dụng các phương pháp, kỹ thuật giúp HS động não suy nghĩ, đặt câu hỏi và trình bày các ý kiến, quan điểm cá nhân, cách thức giải quyết nội dung nói được yêu cầu.

GV cần tạo điều kiện cho mọi HS đều có cơ hội tham gia vào hoạt động nghe – nói bằng cách linh hoạt các hình thức tổ chức hoạt động học tập, như: nghe – nói theo cặp, trong nhóm nhỏ, trước lớp. GV cần trình bày rõ ràng, tường minh các quy tắc trong nghe – nói và tạo cơ hội cho HS thực hành, vận dụng các quy tắc này. GV cũng cần tạo cơ hội cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau trong việc thực hiện hoạt động nghe – nói.

Dạy nói và nghe được thiết kế trong hoạt động khởi động của bài học, hoạt động mở rộng, hoạt động kể chuyện và hoạt động nói sáng tạo của các bài học. Các kiểu bài dạy nói – nghe bao gồm: dạy nói – nghe kết nối với bài học; dạy nói – nghe theo nghi thức giao tiếp; dạy hỏi – đáp tương tác; dạy mở rộng vốn từ và phát triển lời nói, dạy nghe – nói trong kể chuyện và dạy nói sáng tạo theo gợi ý.

3.1.1. Dạy nói – nghe kết nối với bài học

Mục đích của việc triển khai kiểu bài nói – nghe kết nối với bài học là khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ (vốn từ, đặt câu) và kinh nghiệm xã hội của HS, kết nối điều HS đã biết, đã có với bài học mới, giúp HS nhận ra ý nghĩa của việc học. Do vậy, GV cần chú ý tạo cơ hội cho mọi HS được tham gia vào quá trình nói – nghe. Kiểu bài này được thực hiện ở tất cả các bài học.

Các dạng bài tập chủ yếu gồm: nói về tranh minh họa và kết nối đến những hiểu biết của bản thân về đối tượng được thể hiện trong tranh; so sánh điểm giống và khác nhau giữa các bức tranh; trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS thể hiện khả năng sử dụng ngôn ngữ của mình để giải quyết vấn đề.

Một số gợi ý về hoạt động tổ chức dạy học:

(1) Nói về tranh minh họa và kết nối đến những hiểu biết của bản thân về đối tượng được thể hiện trong tranh: GV tổ chức cho HS quan sát tranh theo một trật tự nhất định nhằm giúp HS biết cách quan sát tranh, và sử dụng câu hỏi gợi ý giúp HS phát hiện ra các đối tượng được thể hiện trong tranh. Dựa trên điều HS phát hiện, GV đàm thoại gợi mở giúp HS kết nối giữa điều mình vừa phát hiện với kiến thức của bài học mới.

VD: Bài Cầu vồng, chủ đề 22 Mưa và nắng, SGK tập hai trang 40

2. Luyện tập nói và nghe

– HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa và nói về các hình ảnh trong tranh, VD: “Bức tranh vẽ những gì?”, “Ngoài cây, bãi cỏ, còn có vật gì có màu sắc rực rỡ?”...

– HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi về màu sắc của hình ảnh cầu vồng và nói về một số điều HS biết về cầu vồng (GV có thể gợi ý để HS biết dùng từ đánh giá như đẹp, rực rỡ,...).

– HS nghe GV giới thiệu tên bài Cầu vồng.

(2) *So sánh điểm giống và khác nhau giữa các bức tranh*: GV tổ chức cho HS quan sát hai bức tranh và phát hiện ra điểm giống và khác nhau giữa các bức tranh. Từ đó, GV đàm thoại gợi mở giúp HS kết nối điều mình vừa phát hiện với điều sẽ học.

VD: Bài Mưa, chủ đề 22 Mưa và nắng, SGK tập hai trang 35

2. Luyện tập nói và nghe

– HS hoạt động nhóm, quan sát tranh minh họa phần khởi động và nói về điểm giống và khác nhau giữa các sự vật, hoạt động, trạng thái trong tranh. (Gợi ý: “Bức tranh thứ nhất/ thứ hai vẽ những ai, họ đang làm gì? Họ mặc trang phục gì?”,... để HS có thể nêu được điểm giống nhau giữa hai bức tranh (*đều có 2 bạn học sinh*), điểm khác nhau (*trời mưa – trời nắng, trang phục tương ứng với ngày mưa, ngày nắng*). HS trao đổi với bạn những kinh nghiệm thực tế của bản thân: “Em cảm thấy như thế nào khi trời nắng gắt/ trời mưa gió?”, “Khi ra khỏi nhà nếu gặp trời mưa, em phải làm gì?” (*mặc áo mưa, che dù,...*).

– HS nghe GV giới thiệu tên bài Mưa.

(3) *Trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS sử dụng khả năng ngôn ngữ để giải quyết vấn đề*: GV hướng dẫn HS đọc nhiệm vụ và thảo luận với nhau về cách giải quyết nhiệm vụ. GV tổ chức cho HS trải nghiệm ngôn ngữ để giải quyết nhiệm vụ, từ đó nhận ra nội dung sẽ học.

VD: Bài Mọi người đều khác biệt, chủ đề 33 Chúng mình thật đặc biệt, SGK tập hai trang 137

2. Luyện tập nói và nghe

– HS đọc yêu cầu của hoạt động.

– HS thực hiện hoạt động trải nghiệm ngôn ngữ để tìm thông tin theo yêu cầu về 1 – 2 người bạn trong lớp của mình. Gợi ý: GV hướng dẫn HS cách hỏi bạn để tìm được thông tin theo yêu cầu.

– HS so sánh thông tin vừa tìm được của bạn với những thông tin tương tự của bản thân. Từ đó, rút ra những điểm khác biệt giữa mình và bạn.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3.1.2. Dạy nói – nghe theo nghi thức giao tiếp

Kiểu bài dạy nói nghe theo nghi thức giao tiếp được thiết kế lồng ghép vào các hoạt động mở rộng ở phần học âm vần và hoạt động nói viết sáng tạo ở phần Luyện tập tổng hợp. Các nghi thức giao tiếp bao gồm: nói – đáp lời chào hỏi, chào tạm biệt, lời cảm ơn, lời xin lỗi, lời xin phép, lời chúc mừng phù hợp với đối tượng bằng vai và không bằng vai, trong ngữ cảnh thân thuộc ở nhà và ở trường. Khi dạy kiểu bài này, GV chú ý dạy cho HS các yếu tố thuộc về nghi thức lời nói như nhận diện từ xưng hô thích hợp với đối tượng giao tiếp, nhận biết sự luân phiên lượt lời, chờ đợi đến lượt, có thái độ và hành vi ứng xử phù hợp với ngữ cảnh, biết kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ để hỗ trợ giao tiếp,...

Các dạng bài tập chủ yếu gồm: nói đáp theo tình huống giao tiếp cho sẵn, nói đáp theo tranh gợi ý, đóng vai nhân vật để nói đáp theo yêu cầu.

Một số gợi ý về cách thức tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Nói đáp theo tình huống giao tiếp cho sẵn*: GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu của hoạt động kết hợp với quan sát tranh để hiểu rõ tình huống giao tiếp. GV tổ chức cho HS thảo luận, trao đổi về cách nói đáp theo nghi thức được yêu cầu. Trường hợp HS chưa hiểu tình huống giao tiếp, GV gợi ý bằng các câu hỏi gợi mở, liên hệ với đời sống của các em. Sau đó, GV hướng dẫn cho HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ và tiến hành đánh giá, nhận xét. GV cần giúp cho HS hiểu rằng có thể nói đáp nghi thức được yêu cầu bằng nhiều hình thức, câu nói khác nhau miễn là phù hợp với mục tiêu, ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.

VD: Bài Cô chửi rơm, chủ đề 26 Những người bạn im lặng, SGK tập hai trang 73

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

a. Nói sáng tạo (nói lời cảm ơn, lời xin lỗi)

– HS đọc yêu cầu của hoạt động, kết hợp quan sát tranh minh họa, trao đổi trong nhóm nhỏ về tình huống đã cho. GV gợi ý HS nghĩ về cách nói lời cảm ơn và lời xin lỗi đã học ở những bài trước.

– HS trao đổi, thảo luận về từ xưng hô cho phù hợp với vai giao tiếp và về lời cảm ơn, lời xin lỗi cho phù hợp với từng ngữ cảnh.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

– HS nhận xét, đánh giá về phần thực hiện của mình và của các bạn. GV hướng dẫn để HS hiểu rằng có thể sử dụng nhiều cách nói khác nhau miễn là phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.

(2) *Nói đáp theo tranh gợi ý*: GV hướng dẫn HS quan sát tranh gợi ý để hình dung tình huống giao tiếp. GV hướng dẫn HS nhận diện tình huống, trao đổi và thảo luận với bạn về lời nói phù hợp với tình huống.

VD: Bài iêu – yêu, chủ đề 15 Sinh nhật, SGK tập một trang 155

7. Hoạt động mở rộng (nói lời chúc mừng)

- HS quan sát tranh gợi ý, trao đổi trong nhóm nhỏ về tình huống nêu trong tranh.
- HS trao đổi, thảo luận về từ xưng hô cho phù hợp với vai giao tiếp và về lời nói (lời chúc mừng) cho phù hợp với ngữ cảnh.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.
- HS nhận xét, đánh giá về phần thực hiện của mình và của các bạn.

(3) *Đóng vai nhân vật để nói đáp theo yêu cầu*: GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu của hoạt động, tiến hành phân vai theo cặp để thực hành. GV cần hướng dẫn HS nhận ra từ xưng hô phù hợp với vai giao tiếp, giữ đúng vai giao tiếp trong suốt cuộc thoại, nhận biết sự luân phiên lượt lời, chờ đợi đến lượt lời của mình, có thái độ ứng xử trong nghe – nói phù hợp với ngữ cảnh đóng vai của mình, biết cách sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để hỗ trợ phần đóng vai.

VD: Bài Chợ hoa ngày Tết ở Hà Nội, chủ đề 23 Tết quê em, SGK tập hai trang 48

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

a. Nói sáng tạo (nói lời chúc Tết với ngôi vai không bằng nhau)

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập. GV có thể yêu cầu HS thực hiện theo cặp trong nhóm 4, trong đó 1 HS chọn vai ông, 1 HS chọn vai cháu, 1 HS đóng vai anh/ chị, 1 HS đóng vai em. HS trao đổi, thảo luận về từ xưng hô cho phù hợp với vai giao tiếp và về lời chúc Tết cho phù hợp với ngữ cảnh.
- HS quan sát tranh gợi ý, chú ý phần “mách nước” của anh bút chì.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu. GV nhắc HS chú ý sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ cho phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh.
- HS nhận xét, đánh giá về phần thực hiện của mình và của các bạn.

3.1.3. Dạy hỏi – đáp tương tác

Mục đích của kiểu bài hỏi – đáp tương tác giúp HS tăng cường tính chủ động, tích cực trong giao tiếp và học tập, đồng thời giúp HS phát triển năng lực tư duy khi biết cách đặt câu hỏi về những điều mình muốn hỏi và trả lời chúng. HS cũng được rèn luyện về các kỹ năng hỏi lịch sự – nghe tích cực – trả lời lịch sự trong kiểu bài này.

Các dạng bài tập này bao gồm: luyện hỏi – đáp theo mẫu gợi ý; luyện hỏi – đáp theo nội dung bài học.

Một số gợi ý về cách thức tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Luyện hỏi – đáp theo mẫu gợi ý*: GV tổ chức cho HS quan sát và đọc mẫu gợi ý trong bóng nói của hai bạn HS. GV tổ chức cho HS thực hành theo mẫu theo cặp/ nhóm nhỏ.

VD: Bài *Bông hoa niềm vui*, chủ đề 21 *Những bông hoa nhỏ*, SGK tập hai trang 28

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

a. Nói sáng tạo: Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.

– HS quan sát tranh (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi: “Bức tranh thứ nhất, bạn nhỏ đang làm gì?”, “Ở bức tranh thứ hai, bạn gái đang làm gì?”,... HS động não suy nghĩ về việc nhà mà HS từng làm. Khuyến khích HS suy nghĩ về một nội dung khác không thuộc 2 hoạt động đã gợi ý trong tranh. Với HS yếu, hướng dẫn HS dùng các gợi ý trong tranh.).

– HS quan sát và đọc phần làm mẫu của hai bạn HS. GV nhắc HS việc sử dụng đại từ nhân xưng cho phù hợp (*bạn – mình, cậu – tớ*) và nói câu trọn vẹn, đầy đủ. HS yếu có thể sử dụng câu hỏi và câu trả lời trong phần làm mẫu này.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (GV nhắc HS việc sử dụng âm lượng và điều khiển ánh mắt khi hỏi và trả lời; nhắc HS cách sử dụng gương mặt, bàn tay kèm theo, chẳng hạn, khi nói, em cần nhìn vào mắt bạn, ánh mắt thân thiện, tay em có thể để trên bàn; khi nghe, em cũng cần nhìn vào bạn, ánh mắt thân thiện, thỉnh thoảng gật đầu và kèm theo một vài từ ngữ phù hợp để xác nhận em đang chăm chú lắng nghe, VD: *Ồ, vậy à, sao nữa, thú vị nhỉ,...*).

(2) *Luyện hỏi – đáp theo nội dung bài học*: GV tổ chức cho HS đọc và thảo luận về nhiệm vụ của hoạt động. GV đàm thoại gợi mở nhằm giúp HS nhận ra

cách đặt câu hỏi cho nội dung của hoạt động (VD: đặt câu hỏi với “ai, cái gì, điều gì, ở đâu, như thế nào, khi nào, tại sao,...”). HS thực hiện hoạt động, tự đánh giá và đánh giá câu hỏi/ câu trả lời của mình, của bạn.

VD: Bài *Chào xuân*, chủ đề 23 *Tết quê em*, SGK tập hai trang 45

4. Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi

– HS đọc và trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập. GV hướng dẫn HS cách đặt câu hỏi cho phù hợp với nội dung của bài tập. (Gợi ý: GV yêu cầu HS quan sát lại bảng từ dùng để hỏi để lựa chọn câu hỏi phù hợp với mục đích hỏi của mình. Với HS yếu, GV có thể hướng dẫn HS thêm từ để hỏi vào câu lệnh của bài tập, VD: “Bạn thích điều gì nhất trong ngày Tết?”, “Bạn thường làm gì trong ngày Tết?”, “Bạn thường đi đâu trong những ngày Tết?“,...)

- HS tiến hành phân vai người hỏi, người trả lời và ngược lại.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

3.1.4. *Dạy mở rộng vốn từ và phát triển lời nói*

Việc dạy mở rộng vốn từ và phát triển lời nói cho HS được thực hiện trong tiết thực hành và lồng ghép trong các bài học ở các hoạt động đọc văn bản, chính tả, hoạt động mở rộng và nói sáng tạo.

Các dạng bài tập chủ yếu cho kiểu bài này gồm: mở rộng vốn từ bằng tranh gợi ý, mở rộng vốn từ bằng trò chơi ngôn ngữ, sử dụng bảng từ cho trước để phát triển lời nói, mở rộng vốn từ theo chủ đề/ nội dung bài học.

Một số gợi ý tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Mở rộng vốn từ bằng tranh gợi ý*: GV hướng dẫn HS quan sát tranh và gọi tên sự vật, hiện tượng được mô tả trong tranh. HS đặt câu với mỗi từ tìm được.

VD: Bài *p – ph*, chủ đề 6 *Đi sở thú*, SGK tập một trang 61

7. Hoạt động mở rộng

– HS quan sát tranh và thảo luận trong nhóm xem tranh vẽ về cái gì. GV hướng dẫn giúp HS tìm ra tên của từng sự vật, hiện tượng có trong tranh.

– HS đọc to tiếng từ chỉ về sự vật, hiện tượng đó và đánh giá về phần thực hiện của mình và của bạn.

(2) *Mở rộng vốn từ bằng trò chơi ngôn ngữ*: GV nêu tên trò chơi, luật chơi, chia đội và tổ chức cho HS thực hiện trò chơi.

VD: Bài *au – êu*, chủ đề 7 *Thể thao*, SGK tập một trang 73

7. Hoạt động mở rộng

– HS nghe GV giới thiệu trò chơi và phổ biến luật chơi. Luật chơi: GV chia lớp thành nhóm (tuỳ theo sĩ số). Một đội sẽ đưa ra từ có tiếng chứa vần vừa học trong bài (*au/ êu*). Các đội tiếp theo thi nói nối đuôi nhau bằng cách tìm từ có tiếng đầu tiên là tiếng cuối cùng trong từ của đội trước. Trò chơi kết thúc khi chỉ còn một đội có thể tìm được từ.

– HS thi đua chơi tìm từ nối đuôi giữa các nhóm.

(3) *Sử dụng bảng từ cho trước để phát triển lời nói*: GV tổ chức cho HS quan sát tranh và đọc các từ ngữ được cho sẵn. GV đàm thoại gợi mở giúp HS lựa chọn ra từ thích hợp để nói về bức tranh (hoạt động, cảnh vật, con người, nơi chốn,...). HS kết hợp nói từ vừa tìm với câu trả lời cho các câu hỏi gợi ý sẵn có.

VD: Bài *Thực hành*, chủ đề 16 *Ước mơ*, VBT Tiếng Việt 1 tập một trang 49

5. Luyện tập mở rộng vốn từ

– HS đọc yêu cầu của hoạt động: Điền các từ ngữ cho sẵn trong ngoặc đơn thích hợp với số thứ tự gắn với từng hình ảnh trong bức tranh dưới đây (*giáo viên, bộ đội, diễn viên, dược sĩ, thợ điện*).

– HS đọc bảng từ, quan sát tranh và thảo luận về nghĩa của từng thẻ từ (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi: “Từ này nói về điều gì?”, “Các hình ảnh ở tranh minh hoạ chỉ ai?”, “Họ đang làm gì?”,...).

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ và đặt câu có chứa từ vừa tìm.

– HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình và của bạn.

(4) *Mở rộng vốn từ theo chủ đề/ nội dung bài học*: GV hướng dẫn HS quan sát tranh và nói thành câu về sự vật, hiện tượng có trong tranh. GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở để giúp HS gọi tên sự vật, hiện tượng và nói về những đặc điểm, hình dáng, hành động,... của sự vật hiện tượng đó tuỳ theo mục đích mở rộng vốn từ.

VD: Bài ung – ưng, chủ đề 12 Trung thu, SGK tập một trang 123

7. Hoạt động mở rộng

– HS đọc câu hỏi và thảo luận trong nhóm về yêu cầu của bài tập.
(Gợi ý: GV hướng dẫn HS quan sát tranh và tìm ra tên của các sự vật, hiện tượng có trong tranh. GV khuyến khích HS nói thêm về những sự vật hiện tượng không có trong tranh gợi ý nhưng có liên quan đến chủ đề/ nội dung bài học.)

– HS đặt câu với những từ vừa tìm được và đánh giá về phần thực hiện của mình và của bạn.

3.1.5. Dạy nghe – nói trong kể chuyện

Kiểu bài kể chuyện là kiểu bài giúp HS phát huy kỹ năng nghe – nói ở mức độ tổng hợp, tích hợp với các kỹ năng liên môn khác như quan sát, đọc tranh, đọc câu/ đoạn, trả lời câu hỏi, phán đoán, liên tưởng, tưởng tượng, biết sử dụng âm lượng phù hợp với từng hoàn cảnh và có thái độ nghe tích cực.

Ở lớp 1, kiểu bài kể chuyện chủ yếu được thực hiện dưới hai dạng là nghe – kể, xem – kể.

Một số gợi ý tổ chức hướng dẫn dạy học:

(1) *Dạng bài nghe – kể:* gồm các hoạt động cụ thể sau:

Bước 1: GV tổ chức cho HS hiểu, nắm bắt, thực hành, vận dụng một số kỹ năng nghe – nói trong khi kể. (VD: quy tắc sử dụng âm lượng trong khi nói theo cặp, trong nhóm nhỏ, trước toàn lớp; quy tắc lắng nghe tích cực và phản hồi tích cực; kỹ năng nhận diện trật tự diễn biến của câu chuyện thông qua một số dấu hiệu chỉ dẫn; kỹ năng nhận diện lời, hành động của nhân vật và đóng vai; kỹ năng lựa chọn giọng nói phù hợp với giọng nói của nhân vật.)

Bước 2: GV cho HS đọc tên câu chuyện, kết hợp với quan sát tranh minh họa để phán đoán về nội dung câu chuyện và các yếu tố truyện như nhân vật, bối cảnh, tình tiết, kết thúc.

Bước 3: GV tổ chức cho HS nghe kể 1 – 2 lần, kèm theo câu hỏi kích thích sự tập trung chú ý lắng nghe của HS, câu hỏi/ câu kể giúp HS nắm bắt nội dung chính của từng đoạn truyện (tương ứng với từng tranh minh họa).

Bước 4: GV tổ chức cho HS kể từng đoạn, kể toàn bộ câu chuyện kết hợp với việc thực hiện một số kỹ năng nghe – nói trong khi kể.

Bước 5: GV tổ chức cho HS tìm hiểu về nội dung ý nghĩa, thông điệp của câu chuyện, đánh giá về câu chuyện (nhân vật, bài học, tình tiết) và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân. GV tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá phần trình bày của mình và các bạn.

VD: Bài Cho nhau đồ chơi, chủ đề 8 Đồ chơi – trò chơi, SGK tập một trang 89

2. Luyện tập nghe và nói

– HS nhắc lại quy tắc lắng nghe tích cực và phản hồi tích cực trong khi nghe bạn kể.

– HS đánh vần và đọc trơn tên truyện *Cho nhau đồ chơi*.

– Dựa vào tranh minh hoạ, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những con vật nào?” / “Những con vật nào xuất hiện nhiều?” (*sóc, thỏ, cún*), “Có những chuyện gì xảy ra với từng nhân vật?” (*Cô giáo sóc đưa cho thỏ túi những thanh tre để ráp đồ chơi. Hai cha con thỏ lắp ráp được một chú ngựa gỗ. Cún không có gì chơi nên thỏ đưa cho cún túi thanh tre và chú ngựa...*))

– HS nghe giới thiệu bài mới (GV có thể vừa dùng tên truyện vừa dùng tranh minh hoạ để giới thiệu).

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần 1 toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. Trong khi kể, GV kết hợp sử dụng một số câu hỏi thu hút sự chú ý của HS, và sử dụng giọng nói, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nội dung truyện.

– HS nghe kể lần 2 theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện (GV lưu ý sử dụng câu chủ đề đoạn dưới mỗi bức tranh để giúp HS ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện).

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ, trước lớp. GV nhắc HS chú ý thực hành quy tắc lắng nghe tích cực và phản hồi tích cực.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (“Có mấy nhân vật?” (*sóc, thỏ con, thỏ cha, cún*), “Nhờ điều gì mà thỏ và cún có thể cùng chơi chung món đồ chơi?”, “Câu chuyện khuyên em điều gì?”, “Em thích nhân vật nào? Vì sao?”.)

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện *Cho nhau đồ chơi*, nhân vật HS yêu thích, lí do yêu thích. GV nhận xét, đánh giá tiết học.

(2) *Dạng bài xem – kể* gồm các bước như sau:

Bước 1: GV cho HS đọc tên câu chuyện, phán đoán xem câu chuyện sẽ nói về điều gì.

Bước 2: GV tổ chức cho HS quan sát kĩ từng tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến. GV sử dụng câu hỏi gợi ý dưới tranh để giúp HS trả lời về tình tiết chính trong mỗi tranh. Yêu cầu mỗi HS đều phải trả lời được ít nhất một câu. GV có thể sử dụng thêm các câu hỏi phụ để giúp HS nhận diện/ mở rộng ý tưởng cho từng tranh. GV có thể sử dụng các kĩ thuật phát triển lời nói để giúp HS có thể đưa ra các ý kiến, đánh giá, nhận xét,... về nhân vật/ tình tiết có trong tranh.

Bước 3: GV hướng dẫn HS tập hợp các ý tưởng vừa nói cho từng tranh và ghép nối giữa các bức tranh để kể từng đoạn câu chuyện theo nhóm nhỏ/ trước lớp.

Bước 4: GV tổ chức cho HS tìm hiểu ý nghĩa của câu chuyện, đánh giá về nhân vật/ bài học trong câu chuyện, liên hệ bài học đó với bản thân.

Bước 5: GV tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá về phần trình bày của mình và của bạn.

VD: Bài *Lần đầu đi qua cầu khỉ*, chủ đề 13 *Thăm quê*, SGK tập một trang 139

2. Luyện tập nghe và nói

- HS đánh vần và đọc trơn tên truyện *Lần đầu đi qua cầu khỉ*.
- Dựa vào tranh minh hoạ, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Theo em, câu chuyện sẽ kể về điều gì/ ai?” (*lần đầu đi cầu khỉ*), “Quan sát tranh và cho biết đâu là “cầu khỉ” và trông nó như thế nào?”, “Theo em, cầu khỉ có dễ đi không?”, “Nếu một người lần đầu đi cầu khỉ, họ sẽ cảm thấy như thế nào?”, “Em nghĩ liệu có thể xảy ra chuyện gì với một người lần đầu đi qua cầu khỉ?”,...).
- HS nghe giới thiệu bài mới (có thể dùng tên truyện và tranh minh hoạ để giới thiệu).

3. Luyện tập xem tranh và kể chuyện

- HS quan sát tranh minh hoạ và trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh. (Gợi ý: Trong trường hợp HS chưa đọc được câu hỏi dưới tranh, GV có thể đọc giúp. GV sử dụng thêm các câu hỏi phụ để giúp HS nhận diện các yếu tố truyện có trong tranh như nhân vật chính, tình tiết chính tương ứng với mỗi tranh.)

- HS trao đổi với bạn về nội dung của từng tranh. GV giúp HS phát triển ý tưởng và lời nói bằng các kĩ thuật mở rộng ý, thêm chen từ ngữ.
- HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ, trước lớp.
- HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (“Em có thích nhân vật Nam không? Vì sao?”, “Em thích đoạn/ chi tiết nào trong câu chuyện trên?”, “Nói với bạn một hoạt động dã ngoại mà em đã tham gia khi tham gia các hoạt động trải nghiệm hoặc khi học môn Tự nhiên – Xã hội”).

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện *Lân đầu đi qua cầu khi*, nhân vật HS yêu thích, lí do yêu thích. GV nhận xét, đánh giá tiết học.

3.1.6. Dạy nói sáng tạo theo gợi ý

Mục đích của kiểu bài nói sáng tạo là giúp HS mở rộng hiểu biết về nội dung của bài đã học; phát huy tính sáng tạo, ý kiến, quan điểm riêng của cá nhân từng HS về một vấn đề liên quan đến bài đã học. Kiểu bài này được sắp xếp ở vị trí cuối mỗi bài học, kết hợp với kiểu bài viết sáng tạo nhằm rèn khả năng vận dụng, thực hành sử dụng các kĩ năng ngôn ngữ cho HS.

Một số dạng bài tập của kiểu bài nói sáng tạo: nói theo tranh gợi ý; nói theo câu hỏi/ câu gợi ý; đặt tên cho bức tranh; giới thiệu về người và đồ vật theo gợi ý.

Một số gợi ý tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Nói theo tranh gợi ý*: GV tổ chức cho HS đọc yêu cầu của hoạt động. HS quan sát tranh và tìm trong tranh những điểm thể hiện các yêu cầu của hoạt động. HS thảo luận theo nhóm/ cặp tìm thêm những ý kiến khác để thực hiện hoạt động.

VD: Bài *Mặt trời và hạt đậu*, chủ đề 22 *Mưa và nắng*, SGK tập hai trang 39

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

a. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập và quan sát tranh gợi ý. (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi để giúp HS hình thành một số ý tưởng cho việc thực hiện hoạt động nói, VD: “Bức tranh thứ nhất cho thấy các bạn nhỏ đang làm gì?”, “Các bạn ấy đang ăn uống những gì?”, “Bức tranh số 2 cho thấy mọi người đang làm gì?”, “Trời nắng hay mưa?”, “Những người đi đường dùng những vật dụng gì để che nắng, chống nắng?”,...).

– HS thảo luận thêm một số ý tưởng không thuộc hai hoạt động đã gợi ý trong tranh.

– HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ. (GV khuyến khích, biểu dương những HS nói các hoạt động khác, miễn đó là việc làm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi và có ý nghĩa giáo dục, đúng với chủ đề của bài học – *Mưa và nắng*).

(2) *Nói theo câu hỏi/ câu gợi ý*: GV tổ chức cho HS đọc và thảo luận về nội dung câu hỏi/ câu gợi ý. HS thảo luận để nêu lên những ý tưởng cho việc trả lời nội dung câu hỏi. HS phân công công việc và thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ (1 HS đọc câu hỏi, 1 HS trả lời, và đổi ngược lại).

VD: Bài *Buổi học cuối năm*, chủ đề 34 *Gửi lời chào lớp Một*, SGK tập hai trang 145

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

a. Nói sáng tạo

- HS đọc và trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ những ý tưởng để trả lời nội dung câu hỏi.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (1 HS đọc câu hỏi, 1 HS trả lời, sau đó đổi lại).

(3) *Đặt tên cho bức tranh*: GV hướng dẫn HS quan sát tranh/ ảnh. GV sử dụng đàm thoại gợi mở giúp HS hiểu về nội dung bức tranh (ai, cái gì, làm gì, ở đâu, như thế nào,...). GV hướng dẫn HS cách đặt tên cho bức tranh/ thực hành đặt tên cho bức tranh (các lưu ý khi đặt tên tranh/ ảnh). HS thảo luận theo nhóm và lựa chọn tên cho bức tranh/ ảnh mà mình chọn.

VD: Bài *Làng gốm Bát Tràng*, chủ đề 30 *Làng quê yên bình*, SGK tập hai trang 114

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

a. Nói sáng tạo

- HS quan sát tranh (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi: “Bức ảnh thứ nhất cho thấy mọi người đang làm việc gì, ở đâu, công việc đó thế nào?”, “Bức ảnh thứ hai cho thấy mọi người đang làm gì, ở đâu, công việc đó thế nào?”, “Em nghĩ họ có vui thích không khi làm công việc đó?”, “Em sẽ đặt tên gì cho bức ảnh mình chọn?”,...). HS nêu lại cách đặt tên cho một bức tranh/ ảnh.

- HS thảo luận trong nhóm về những tên gọi cho bức ảnh mình chọn. GV có thể tổ chức bước này bằng kĩ thuật hoạt động góc.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ và đánh giá tên gọi nào nghe hay nhất/ thú vị nhất.

(4) *Giới thiệu về người, đồ vật theo gợi ý*: GV tổ chức cho HS đọc yêu cầu của hoạt động. HS nghe GV giới thiệu/ nhắc lại cách giới thiệu về người, đồ vật. HS đọc các câu gợi ý. HS thảo luận trong nhóm về những ý tưởng cho từng gợi ý và thực hiện bài tập.

VD: Bài Làm bạn với bố, chủ đề 24 Những người bạn đầu tiên, SGK tập hai trang 57

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

a. Nói sáng tạo

- HS thảo luận trong nhóm nhỏ về yêu cầu của hoạt động.
- HS đọc các gợi ý để hình dung trật tự các nội dung trong lời giới thiệu về cha hoặc mẹ của mình. GV có thể tổ chức hoạt động này theo kĩ thuật mảnh ghép để giúp HS có thêm nhiều ý tưởng cho mỗi vế được yêu cầu.
- HS nhắc lại cách nói lời giới thiệu. GV nhắc nhở HS việc sử dụng lời chào trước khi nói lời giới thiệu.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

3.2. Phương pháp dạy đọc

Mục đích dạy đọc ở lớp 1 là giúp HS có thể giải mã được kí tự chữ viết thành âm thanh và hiểu nghĩa của chúng. Hai kĩ năng này cần thực hiện đồng thời, song song, không nên tách biệt.

Về việc dạy đọc lưu loát, GV cần giúp HS nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ thông qua các hoạt động khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ của HS, hoạt động ghép vần tạo tiếng, đọc trơn từ ngữ và văn bản đọc, tìm tiếng chứa vần được học. GV có thể sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ, thực hành có hướng dẫn, thực hành giao tiếp, các phương pháp đa giác quan và các hoạt động tích hợp nhằm tăng cường khả năng nhận diện mặt chữ cho HS.

Về việc dạy đọc hiểu, GV cần tăng cường khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ và xã hội của HS để giúp HS nhận ra ý nghĩa của bài đọc, liên hệ, mở rộng hiểu biết về những gì đang đọc. GV cần tạo ra các cơ hội giúp HS hiểu về văn bản đọc bằng cách vận dụng các phương pháp, kỹ thuật và hình thức dạy đọc hiểu khác nhau như dạy học tường minh các kỹ thuật đọc hiểu nghĩa của từ, kỹ thuật nhận diện thông tin được thể hiện tường minh trong văn bản, kỹ thuật nắm bắt các ý (từ khoá, câu khoá), kỹ thuật xác định ý khái quát (đại ý), đọc diễn cảm, đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai, thảo luận về nội dung vừa đọc, thể hiện điều mình hiểu thông qua các hoạt động nghệ thuật, âm nhạc, thể dục,...

GV chú ý việc giúp HS tăng cường hiểu biết về thể loại văn bản thông qua việc quan sát và nhận diện một số yếu tố hình thức của văn bản. GV cũng cần giúp HS nhận ra nội dung chính của văn bản và kết nối nội dung ấy với đời sống của trẻ, để giúp trẻ chuyển hoá bài học thành niềm tin và hành vi ứng xử tương ứng trong cuộc sống hằng ngày.

GV cũng cần tạo các cơ hội cho HS tự đọc thông qua nhiều hoạt động tổ chức khác nhau như đọc mở rộng, đọc chia sẻ, đọc độc lập. GV tăng cường hiểu biết về văn bản đọc bằng cách cho HS thảo luận, trao đổi, ghi chép về những cuốn sách mình đã đọc.

3.2.1. Dạy đọc lưu loát

Mục đích của dạy đọc lưu loát là giúp HS tự động hoá kỹ năng giải mã kí tự từ chữ viết thành âm thanh. Nội dung này được tổ chức trong các hoạt động nhận diện âm vần mới, đọc từ khoá, từ mở rộng, bài đọc ứng dụng và bài đọc luyện tập tổng hợp. Cách tổ chức hoạt động dạy học cho hoạt động này như sau:

Bước 1: GV đọc mẫu kết hợp đặt câu hỏi kích thích sự hứng thú, tập trung theo dõi của HS. GV chú ý đọc mẫu kết hợp ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, giọng điệu phù hợp với nội dung và thể loại của văn bản đọc.

Bước 2: GV hướng dẫn HS đọc một số từ khó đọc, cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu/ cụm từ có nghĩa, cách ngắt nhịp (đối với văn bản thơ).

Bước 3: GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng theo nhóm nhỏ, đọc luân phiên theo đoạn/ bài (không đọc nối tiếp câu). GV sửa lỗi phát âm theo hướng tiếp cận cá nhân.

Bước 4: GV tổ chức cho HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu bằng những cách phù hợp với từng kiểu từ khó hiểu khác nhau, khuyến khích cách giải thích nghĩa của từ bằng ngữ cảnh trong bài đọc, đặt câu.

Bước 5: GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc để tìm tiếng trong bài có chứa vần cần ôn luyện. HS tìm thêm ngoài bài đọc từ chứa tiếng có vần cần ôn luyện và đặt câu với tiếng từ vừa tìm.

VD: Bài *Chuyện của Nam*, chủ đề 33 *Chúng mình thật đặc biệt*, SGK tập hai trang 134

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (Lưu ý: GV đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS, VD: “Nam không giải được bài toán. Theo em, Nam sẽ cảm thấy như thế nào?”, “Ba bảo Nam giỏi môn khác. Vậy em nghĩ Nam giỏi môn học nào?”).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc từ khó đọc như: *chuyện, siêu, hươ, ngoắc tay, luyện tập...*, cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu và theo cụm từ có nghĩa.

– HS đọc thành tiếng.

– HS đọc lại bài đọc và dùng ngón trỏ để tìm tiếng trong bài có chứa vần *ươ, oăc, im*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ươ, oăc, im*. GV hướng dẫn HS đánh vần vần khó, tiếng từ chứa vần khó *ươ, oăc*.

– HS tìm ở ngoài bài từ ngữ chứa tiếng có vần *im, iêm* và đặt câu, VD: *Em thích làm nghề quay phim. Em tập múa kiếm.*

3.2.2. Dạy đọc hiểu

Nội dung dạy học đọc hiểu được thiết kế trong SGK *Tiếng Việt 1* dưới dạng các câu hỏi tìm hiểu bài, bắt đầu từ tuần 10 trong bài Ôn tập và từ tuần 13 trong tất cả các bài đọc. Độ khó và số lượng các câu hỏi tìm hiểu bài được tăng tiến theo tuần học.

Các dạng câu hỏi đọc hiểu được sử dụng trong hoạt động này bao gồm: câu hỏi tìm chi tiết trong bài, câu hỏi tìm hiểu về hình thức/ thể loại, câu hỏi về nội dung của bài đọc và câu hỏi liên hệ bản thân. Các câu hỏi được thiết kế theo các dạng: câu hỏi gợi mở, câu lệnh, câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn và câu hỏi kết hợp với tranh ảnh minh họa (câu hỏi kết nối ngôn ngữ hình ảnh).

Bên cạnh các câu hỏi trong SGK, GV linh động tổ chức các dạng câu hỏi hoặc hình thức đọc hiểu khác tương ứng với năng lực của HS nhằm đảm bảo mục tiêu dạy học phân hoá.

Sau đây là một số gợi ý về cách tổ chức hoạt động dạy học đọc hiểu theo thể loại văn bản:

(1) Dạy học đọc hiểu văn bản văn học

Tuỳ thuộc vào các đặc điểm về nội dung và hình thức của văn bản đọc mà GV tổ chức thực hiện việc đọc hiểu tương ứng. Dưới đây là một số gợi ý về các kiểu câu hỏi hoặc hình thức đọc hiểu cho việc dạy thể loại văn bản văn học.

Nhóm bài tập đọc hiểu nội dung:

– Loại bài tập nhận diện các chi tiết được thể hiện tường minh trong văn bản, trả lời cho các câu hỏi *Ai, cái gì, ở đâu, khi nào, làm gì, như thế nào, vì sao,...* VD: “*Kể tên các loài cây có trong bài đọc.*” (bài *Uông – ương*, tập một, trang 173), “*An muốn hái bông hoa để làm gì?*” (bài *Bông hoa niềm vui*, tập hai, trang 27), “*Bạn nhỏ trong bài thơ muốn gửi gì cho bố?*” (bài *Thư gửi bố ngoài đảo*, tập hai, trang 129). Đối với dạng bài tập này, GV cần giúp HS “khoanh vùng” phạm vi trong bài đọc chứa thông tin liên quan đến yêu cầu câu hỏi. Sau đó hướng dẫn các em xem xét, xác định chi tiết/ sự kiện liên quan trực tiếp đến câu hỏi để lựa chọn và sắp xếp ngôn ngữ để trả lời. GV chú ý không cho HS rơi vào tình trạng trả lời câu hỏi bằng cách “đọc nguyên văn” cả đoạn hoặc một phần của bài đọc có chứa chi tiết trong câu hỏi. Nếu HS đọc nguyên văn, GV cần hướng dẫn để HS lựa chọn đúng phần thông tin có liên quan và sắp xếp các từ ngữ thành câu trả lời.

– Loại bài tập xác định ý khái quát (đại ý) của văn bản dựa vào gợi ý: đây là kĩ năng khó với HS tiểu học do các em hay bị nhiễu bởi nội dung của từng đoạn. Vì vậy, cách hỗ trợ HS là GV đưa ra các đại ý khác nhau theo hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn để HS đối chiếu với các ý đã biết, rồi chọn lựa đại ý đã chọn. Sau đó, GV đặt câu hỏi hướng dẫn HS giải thích lí do vì sao chọn (căn cứ vào chỗ nào trong bài đọc để chọn ý đó).

VD: VBT, tuần 21, có câu hỏi: “Bài đọc *Bông hoa niềm vui* nói về điều gì? Hãy đánh dấu ✓ vào ô trống trước ý em chọn.”

☐ Cô giáo hái tặng bạn An bông hoa cúc.

☐ Tấm lòng hiếu thảo của bạn An.

Hoặc VBT, tuần 25, có câu hỏi “Bài đọc *Mẹ của thỏ bông kể* về điều gì? Hãy đánh dấu ✓ vào ô trống trước ý em chọn.”

☐ Bé chơi trò đóng vai làm mẹ của thỏ bông.

☐ Mẹ thỏ lấy khăn mát chườm cho con.

Nhóm bài tập đọc hiểu hình thức, bao gồm các loại bài tập sau:

– Loại bài tập xác định từ ngữ chỉ màu sắc, hình dáng, âm thanh, đặc điểm, hành động... của đối tượng miêu tả trong bài đọc. VD: “*Tìm từ chỉ âm thanh của chuông báo giờ ra chơi.*” (bài *Cùng vui chơi*, tập hai, trang 87), “*Tìm từ ngữ cho thấy Minh xấu hổ.*” (bài *Câu chuyện về giấy kẻ*, tập hai, trang 90),...

– Loại bài tập nhận diện các đặc điểm của thể loại văn bản như nhân vật, lời nhân vật,... VD: “*Đọc câu hỏi của bà và câu trả lời của bé.*” (bài *Mẹ của thỏ bông*, tập hai, trang 63), “*Bài đọc có những nhân vật nào?*” (bài *Khu rừng kì lạ dưới đáy biển*, tập hai, trang 126),...

Nhóm bài tập đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối: gồm hai loại sau:

– Loại bài tập kết nối đọc hiểu chi tiết trong văn bản với đọc ngôn ngữ hình ảnh, VD: “*Đọc câu thơ trong bài tương ứng với nội dung từng bức tranh sau.*” (bài *Mưa*, tập hai, trang 36; bài *Đi học*, tập hai trang 102; bài *Làng em buổi sáng*, tập trang 108, ...). GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, giúp HS quan sát tranh và nhận ra bức tranh đang vẽ về điều gì/ cảnh gì. Từ đó hướng dẫn HS quay trở lại bài đọc và xác định vị trí câu thơ tương ứng với nội dung tranh. GV cũng có thể sử dụng hình thức thi đua ghép tranh giữa các nhóm/ tổ để gia tăng hứng thú tìm hiểu bài.

– Loại bài tập liên hệ bản thân, đánh giá nhân vật/ chi tiết trong bài đọc, kết nối kinh nghiệm ngôn ngữ và xã hội của HS, VD: “*Em thích loài hoa nào nhất?*” (bài *oa – oe*, tập hai, trang 7), “*Nêu những hình ảnh đẹp em thấy trên đường đến trường.*” (bài *Đi học*, tập hai, trang 102), “*Nêu một, hai việc em dự định làm trong kì nghỉ hè sắp tới.*” (bài *Buổi học cuối năm*,

tập hai, trang 144),... Đối với dạng bài tập này, GV cần tạo điều kiện để mọi HS đều tham gia trả lời bằng cách linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học theo cặp/ nhóm nhỏ, khuyến khích và tạo cơ hội cho HS yếu, trung bình được tham gia trả lời. GV cũng cần chú ý việc đánh giá theo hướng tôn trọng ý kiến của HS.

(2) Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin

Tuỳ thuộc vào các đặc điểm về nội dung và hình thức của văn bản đọc mà GV tổ chức thực hiện việc đọc hiểu tương ứng. Dưới đây là một số gợi ý về các kiểu câu hỏi hoặc hình thức đọc hiểu cho việc dạy thể loại văn bản thông tin.

Nhóm bài tập đọc hiểu nội dung, bao gồm các loại bài tập sau:

– Loại bài tập nhận diện các thông tin nổi bật được thể hiện tường minh trong văn bản, VD: “*Người mang lại đèn điện, xe điện cho con người là ai?*” (bài *iên – yên*, tập một, trang 165), “*Bài đọc cho biết bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh còn có tên gọi là gì?*” (bài *Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh*, tập hai, trang 119),...

– Loại bài tập xác định ý khái quát (đại ý) của văn bản (văn bản này viết về điều gì) có gợi ý, hỗ trợ, VD: “*Bài đọc khuyên em điều gì? Nói với bạn một ý em chọn: a. Nên che giấu cảm xúc, b. Khi ở nhà, mẹ cũng là cô giáo, c. Cần phải biết chia sẻ cảm xúc.*” (bài *Nói với em*, tập hai, trang 66), “*Bài đọc trên viết về điều gì? Hãy chọn ý đúng: a. Cá heo sợ hãi khi gặp người, b. Cá heo là một loài cá dữ, c. Cá heo biết cứu người.*” (bài *Cá heo biết cứu người*, tập hai, trang 156),...

Nhóm bài tập đọc hiểu hình thức, bao gồm các loại bài tập sau:

– Loại bài tập xác định từ ngữ chỉ màu sắc, hình dáng, đặc điểm,... của đối tượng miêu tả trong bài đọc. VD: “*Tìm các từ ngữ chỉ màu sắc nổi bật của cầu vồng.*” (bài *Cầu vồng*, tập hai, trang 41), “*Tìm từ ngữ nói về cách cài quai mũ bảo hiểm khi đội.*” (bài *Mũ bảo hiểm*, tập hai, trang 77),...

– Loại bài tập nhận biết trình tự của các chi tiết, sự việc trong văn bản, VD: VBT tuần 26, có bài tập đọc *Đội mũ bảo hiểm thế nào cho đúng?* và câu hỏi “*Bài đọc cho biết, để đội mũ bảo hiểm đúng, em cần theo mấy bước? Hãy dùng từ ngữ đầu tiên, cuối cùng, sau đó, tiếp theo* thay cho các số chỉ thứ tự 1, 2, 3, 4.” Hoặc bài tập tuần 28, “*Bạn có biết giặt ba lô?*” có các yêu cầu “*Hãy nói trình tự các bước giặt ba lô làm bằng vải. Nối các từ ngữ chỉ các bước giặt ba lô đúng với tranh vẽ*”. Với dạng bài tập này, GV cần giúp HS đọc lại bài

đọc, xác định vị trí các sự việc được nhắc đến trong câu hỏi, đánh số các sự việc theo trật tự xuất hiện trong bài đọc để trả lời câu hỏi.

– Loại bài tập nhận diện các đặc điểm của thể loại văn bản như hiểu nghĩa một số tín hiệu đơn giản gắn với HS, VD: “*Chọn từ ngữ dưới đây để viết vào vở tên của từng biển báo. (Lối thoát hiểm, Cấm xả rác bừa bãi)*” (bài Ôn tập 2, tập hai, trang 153). Hoặc bài tập ở tuần 29 (VBT, tập 2, trang 39) “*Dùng từ ngữ đã cho để viết vào vở tên tương ứng với mỗi biển báo. (lối thoát hiểm, cấm hút thuốc lá, nguy cơ điện giật, giữ im lặng)*”; “*Vẽ một biển báo em biết và đặt tên cho biển báo đó*”.

Bài tập đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối: liên hệ bản thân, kết nối kinh nghiệm ngôn ngữ và xã hội của HS, VD: “*Khi ở trường, em có thể chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với những ai?*” (bài Nói với em, tập hai, trang 66), “*Kể tên hai hoạt động em muốn được thực hiện trong kì nghỉ hè.*” (bài Kì nghỉ hè của em, tập hai, trang 149),...

3.2.3. Dạy đọc mở rộng

Nội dung dạy đọc mở rộng được tích hợp vào hoạt động mở rộng ở cuối mỗi bài học. Nội dung này được thực hiện xuyên suốt từ tập một sang tập hai. Các nội dung đọc mở rộng bao gồm sự đa dạng về thể loại văn bản đọc mở rộng, các yêu cầu nhận diện về tài liệu đọc mở rộng, bao gồm yêu cầu về cả hình thức và nội dung.

Các dạng bài đọc mở rộng bao gồm: đọc tự do về nội dung, đọc theo chủ đề được yêu cầu, đọc và chia sẻ các thông tin về hình thức và nội dung của văn bản.

Một số gợi ý về cách tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Đọc tự do về nội dung*: kiểu bài này nhằm giúp HS gia tăng thói quen đọc sách, do vậy GV cần cho HS đọc tự do, không giới hạn về chủ đề, nội dung, thể loại. HS trao đổi với bạn về văn bản mình đã đọc.

VD: Bài ơn – un, chủ đề 11 Bạn bè, SGK tập một trang 117

6. Hoạt động mở rộng

HS chia sẻ với bạn về bài thơ/ câu chuyện/ cuốn sách đã đọc. HS có thể nói với bạn về tên bài thơ/ câu chuyện/ cuốn sách, tên tác giả, điều em thích nhất trong bài thơ/ câu chuyện/ cuốn sách đó (VD: tranh vẽ, nhân vật, tên gọi, nội dung,...).

(2) *Đọc theo chủ đề được yêu cầu*: kiểu bài này nhằm giúp HS biết cách tìm đọc và giới hạn văn bản theo nhu cầu, do vậy GV cần hướng dẫn HS đọc tên sách, tên tử sách trên góc trái/ phải của bìa sách để tìm được văn bản theo yêu cầu. Để thực hiện được yêu cầu này, GV cần hướng dẫn HS cách làm trong hoạt động dẫn dò ở bài học trước đó.

VD: Bài Câu chuyện về giấy kẻ, chủ đề 28 Trong chiếc cặp của em, SGK tập hai trang 91

6. Hoạt động mở rộng

HS chia sẻ bài viết có nội dung về hướng dẫn cách sử dụng đồ dùng học tập. GV chú ý hướng dẫn HS nói về nội dung của bài viết.

(3) *Đọc và chia sẻ các thông tin về hình thức và nội dung của văn bản*: kiểu bài này nhằm giúp HS quan sát đến các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản. Do vậy, GV cần hướng dẫn một cách tường minh về các yếu tố hình thức và nội dung này thông qua làm mẫu và đàm thoại gợi mở trong hoạt động dẫn dò ở bài học trước đó. GV có thể thực hiện làm mẫu lại trong một số tiết dạy đầu tiên có hoạt động này.

VD: Bài Ước mơ nào cũng quý, chủ đề 33 Chúng mình thật đặc biệt, SGK tập hai trang 141

5. Hoạt động mở rộng

– HS nghe GV làm mẫu chia sẻ về các thông tin về hình thức và nội dung một cuốn sách mà GV đã đọc.

– HS chia sẻ câu chuyện đã đọc và nói về tên truyện, tên nhân vật trong truyện.

3.3. Phương pháp dạy viết

Mục đích dạy viết ở lớp 1 là giúp HS hình thành các kỹ năng viết chữ, câu, đoạn đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật viết, chính tả và bước đầu thể hiện các ý kiến và quan điểm cá nhân bằng ngôn ngữ viết.

Về việc dạy kỹ thuật viết, GV chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ và luyện tập theo mẫu.

Về việc dạy kỹ năng viết câu, đoạn, GV kết hợp sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như làm mẫu, động não, tranh ảnh/ động tác trực quan, giải quyết vấn đề, luyện tập thực hành,... GV chú ý việc giúp HS đưa ra các ý kiến và quan điểm cá nhân về một vấn đề thông qua các hoạt động thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, viết sáng tạo; tạo điều kiện cho HS được tự đánh giá, đánh giá, sửa chữa và trình bày bài viết trong nhóm, trước lớp dưới dạng nói và viết.

3.3.1. *Dạy tập viết*

Mục đích của dạy tập viết là dạy các kĩ thuật viết. Dạng bài chính cho hoạt động này là viết theo mẫu, bao gồm mẫu, vần, từ khoá, cụm từ, mẫu chữ viết hoa, câu ứng dụng. Cách tổ chức hoạt động dạy học cho kiểu bài này như sau:

Bước 1: GV tổ chức cho HS quan sát mẫu và cách viết của GV. GV vừa viết vừa phân tích cấu tạo và quy trình viết.

Bước 2: GV nhắc lại cách viết lần thứ hai. HS dùng ngón trỏ viết nội dung cần viết lên không khí hoặc mặt bàn.

Bước 3: HS luyện tập theo mẫu vào bảng con hoặc vở tập viết.

Bước 4: HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn theo hướng dẫn của GV.

VD: Bài *at – ăt – ât*, chủ đề 10 Ngày chủ nhật, SGK tập một trang 100

5. Tập viết vần, tiếng, từ

a. Viết vần *at* và tiếng *hát*

a1. Viết vần *at*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *at*.
- HS dùng ngón trỏ viết vần *at* lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS viết vần *at* vào bảng con.

a2. Viết tiếng *hát*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo.
- HS dùng ngón trỏ viết chữ *hát* lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS viết chữ *hát* vào bảng con.

b. Viết vần *ăt* và tiếng *cắt*

(Các bước tương tự với hướng dẫn viết và tập viết *at*, *hát*.)

- HS so sánh cấu tạo nét chữ của *ăt* và *at*.

c. Viết vần *ât* và tiếng *bật*

(Các bước tương tự với hướng dẫn viết và tập viết *at*, *hát*.)

- HS so sánh cấu tạo nét chữ của *ât* với *ăt*, *at*.

d. Viết vào VTV:

- Viết vào VTV: *at*, *hát*, *ăt*, *cắt*, *ât*, *bật* (Gợi ý: GV nhắc HS chú ý khoảng cách giữa chữ trong một từ, điểm bắt đầu, điểm kết thúc).

- HS nhận xét bài mình, bài bạn, chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

❖ **Lưu ý:** GV có thể nhắc nhở HS chú ý để tránh lỗi chính tả *-t/ -c*.

3.3.2. *Dạy chính tả*

Mục đích của dạy chính tả là giúp HS viết đúng chính tả từ, câu, đoạn. Các dạng bài chính cho hoạt động này là: chính tả nhìn – viết, chính tả nghe – viết, chính tả có quy tắc và chính tả phương ngữ.

Một số gợi ý tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Chính tả nhìn – viết (tập chép)*: dạng bài tập này giúp HS tri nhận các vần đề chính tả bằng thị giác, đặc biệt hữu ích với các trường hợp chính tả phương ngữ. Do vậy, GV cần giúp HS đọc lại câu/ đoạn cần chép, đặt câu hỏi giúp HS hiểu nghĩa và ghi nhớ mặt chữ của những từ ngữ có vần đề chính tả. GV cần tổ chức cho HS giải thích nghĩa của những từ này bằng ngữ cảnh, tranh ảnh/ động tác trực quan, đặt câu.

VD: Bài Ôn tập, chủ đề 15 *Sinh nhật*, SGK tập một trang 159

4. Luyện tập viết và chính tả

b. Chính tả nhìn – viết (tập chép)

- HS đánh vần các tiếng có vần *ui, ăng* trong hai dòng thơ cuối (nếu cần).
- HS đọc hai dòng thơ cần tập chép (Cảm ơn bè bạn/ Chia vui tặng quà); HS đánh vần các tiếng có vần đề về chính tả, VD: *cảm, ơn, bạn, chia, tặng, quà*; GV có thể hướng dẫn cho HS những lưu ý cần thiết tùy thực tế của HS và của lớp học).
- HS nghe GV hướng dẫn cách viết chữ đầu dòng thơ – chữ C.
- HS chép hai dòng thơ vào vở (HS có thể dùng chữ in hoa, chữ C).
- HS kiểm tra bài tập chép, sửa lỗi nếu bài bị mắc lỗi.

(2) *Chính tả nghe – viết*: dạng bài tập này giúp HS luyện tập khả năng chuyển đổi âm thanh được nghe thành chữ viết đúng chính tả, rèn kĩ năng nghe – hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn. Do vậy, GV cần giúp HS đọc lại câu/ đoạn cần viết, đặt câu hỏi giúp HS hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn cần viết. Trường hợp đoạn cần viết có các tiếng từ khó đọc, dễ viết sai do đặc điểm phương ngữ, GV cần tổ chức cho HS đánh vần, nhận diện tiếng dễ sai.

VD: Bài Những bông hoa nhỏ trên sân, chủ đề 21 Những bông hoa nhỏ, SGK tập hai trang 30

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

b. Chính tả nghe – viết

- HS đọc lại đoạn văn được yêu cầu viết chính tả và trả lời một số câu hỏi về nội dung câu/ đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ. VD: *trẻ em, tình yêu...* HS đặt câu hoặc giải thích nghĩa của những tiếng/ từ này.
- HS nghe và viết đoạn văn vào VTV (Gợi ý: GV nhắc HS lùi vào đầu dòng). GV đọc lần 1 cả đoạn văn. Lần 2, GV đọc từng câu, chú ý ngắt câu tại các cụm từ có nghĩa (GV có thể lặp lại 2 lần). Lần 3, GV đọc lại cả đoạn để HS dò. GV nhắc HS có thể viết chữ in hoa cho các chữ đầu câu (không bắt buộc viết hoa theo mẫu viết tay chữ *Trẻ*). Viết dấu chấm cuối mỗi câu.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

(3) *Chính tả có quy tắc*: GV giới thiệu/ yêu cầu HS nhắc nhớ lại quy tắc chính tả có trong bài tập. HS cho thêm ví dụ thể hiện quy tắc này. Từ đó, HS vận dụng hiểu biết về quy tắc chính tả để thực hiện bài tập.

VD: Bài Vui học ở Thảo cầm viên, chủ đề 27 Bạn cùng học cùng chơi, SGK tập hai trang 84

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

c. Bài tập chính tả có quy tắc

- HS đọc yêu cầu của bài tập. HS nhắc lại quy tắc chính tả ng-/ ngh-. Yêu cầu HS tìm thêm một số từ thể hiện quy tắc này.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

(4) *Chính tả phương ngữ*: GV tùy thuộc vào đặc điểm chính tả phương ngữ của HS trong lớp của mình để lựa chọn bài tập chính tả cho phù hợp. GV cũng có thể phân nhóm HS theo đặc điểm phương ngữ để tiến hành dạy học phân hoá. GV hướng dẫn cho HS quan sát tranh và đọc từ/ cụm từ dưới tranh để hiểu nghĩa của từ/ cụm từ nói đến, từ đó đưa ra lựa chọn thích hợp.

VD: Bài *Bông hoa niềm vui*, chủ đề 21 *Những bông hoa nhỏ*, SGK tập hai trang 27

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

c. Bài tập chính tả phương ngữ

- HS đọc yêu cầu của bài tập được giao.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập. (Lưu ý: với những HS chậm, GV có thể hỏi HS “Bức tranh số 1 vẽ bạn trai đang làm gì?” (*lau bàn ăn*), “Chữ bàn kết thúc bằng âm gì?”, “Bức tranh số 2 vẽ bạn gái đang làm gì?” (*phụ mẹ bán hàng*), “Chữ hàng kết thúc bằng âm gì?”,...).
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

3.3.3. Dạy viết sáng tạo

Mục đích của kiểu bài viết sáng tạo là nhằm giúp HS chuyển đổi ý tưởng được trình bày dưới ngôn ngữ nói trong hoạt động luyện nói sáng tạo thành ngôn ngữ viết và làm quen với việc viết câu/ đoạn.

Các dạng bài cho hoạt động này: viết theo mẫu gợi ý; điền phần thông tin để hoàn thành câu; viết lại ý vừa nói; viết tên cho bức tranh...

Một số gợi ý tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Viết theo mẫu gợi ý*: GV hướng dẫn HS đọc mẫu và chuyển đổi nội dung vừa nói ở hoạt động nói sáng tạo thành câu văn viết. HS thực hiện theo mẫu với nội dung mà mình đã trao đổi với bạn. GV tổ chức cho HS tự đánh giá việc viết trọn ý, lỗi chính tả và dấu câu, HS tự sửa lỗi bài viết của mình (nếu có).

VD: Bài *Bông hoa niềm vui*, chủ đề 21 *Những bông hoa nhỏ*, SGK tập hai trang 28

5. Luyện nói và viết sáng tạo

b. Viết sáng tạo

– HS đọc câu văn mẫu và tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS viết một việc nhà mà em đã làm, nhắc HS chú ý việc viết hoa đầu câu (có thể viết chữ in hoa) và sử dụng dấu chấm cuối câu, khoảng cách giữa các chữ trong một câu).

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.

– HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV. HS tự sửa lỗi trong bài viết của mình (nếu có).

Lưu ý: GV không nên sửa lỗi chính tả, và lỗi đặt câu quá nhiều để tránh làm trẻ chán viết. GV nên nhận xét về ý tưởng của trẻ. Các nhận xét của GV nên theo hướng động viên, khuyến khích.

(2) *Điền phần thông tin để hoàn thành câu:* GV giúp HS suy nghĩ về nội dung cần điền bằng phương pháp đàm thoại gợi mở, động não,... GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách hoàn thành vế câu bằng cách điền nội dung mình vừa nghĩ vào phần thông tin còn thiếu.

VD: Bài *Thực hành*, chủ đề 17 *Vườn ươm*, VBT Tiếng Việt 1 tập một trang 52

5. Luyện tập viết sáng tạo

– HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết bằng cách hoàn thành vế câu. GV hướng dẫn cho HS nhận ra mỗi vế câu cần điền tương ứng với phần trả lời của HS cho các câu hỏi gợi ý, VD: “Em ước mơ sau này lớn lên làm nghề gì?“,...

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.

– HS tự đánh giá, nhận xét về bài làm của mình theo hướng dẫn của GV. HS tự sửa lỗi trong bài viết của mình (nếu có).

(3) *Viết lại nội dung vừa nói:* Dạng bài tập này được thiết kế sau khi HS đã làm quen với việc luyện tập viết theo mẫu và điền thông tin để hoàn thành vế câu ở trên. Do vậy, GV cần giúp HS thực hành việc chuyển đổi từ ngôn ngữ nói sang ngôn ngữ viết.

VD: Bài Câu chuyện về giấy kẻ, chủ đề 28 Trong chiếc cặp của em, SGK tập hai trang 91

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

b. Viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV. HS tự sửa lỗi trong bài viết của mình (nếu có).

(4) *Viết tên cho bức tranh*: GV cần hướng dẫn HS hiểu sự khác nhau giữa việc đặt tên cho bức tranh/ ảnh (ngôn ngữ nói) với việc viết tên bức tranh/ ảnh đó. GV đưa mẫu và cho HS phân tích các đặc điểm của mẫu.

VD: Bài Cầu vồng, chủ đề 22 Mưa và nắng, SGK tập hai trang 42

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

b. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành chữ viết. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS cách viết tên bức tranh: viết hoa chữ đầu của tên bức tranh/ ảnh, cuối tên không dùng dấu chấm câu – trừ những trường hợp đặc biệt; chú ý khoảng cách giữa các chữ trong tên; rà soát kỹ, cẩn trọng, tránh lỗi chính tả).
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

3.4. Hướng dẫn tổ chức hoạt động mở rộng

Hoạt động mở rộng là hoạt động mang tính tích hợp, giúp HS kết nối điều mình vừa học trong bài học môn Tiếng Việt với các môn học khác (tích hợp liên môn), vận dụng điều mình vừa học vào một tình huống, ngữ cảnh khác, liên hệ điều vừa học với cuộc sống của bản thân (tích hợp xuyên môn các giá trị giáo dục ưu tiên), gia tăng hứng thú của HS đối với bài học, giúp HS nhận ra ý nghĩa của việc học. Vì vậy, GV cần linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động mở rộng.

Các dạng bài của hoạt động mở rộng: vận dụng nội dung vừa học vào tình huống khác; vẽ, hát, múa,... một nội dung liên quan đến bài học/ chủ đề; các trò chơi ngôn ngữ, trò chơi dân gian; mở rộng vốn từ theo chủ đề/ nội dung bài học; mở rộng hiểu biết về nội dung bài học/ chủ đề; đọc mở rộng,...

GV có thể linh hoạt lựa chọn và kết hợp các hình thức bài tập khác nhau cho hoạt động mở rộng, đảm bảo mục tiêu của hoạt động này.

4. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Ở lớp 1, GV đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của HS thông qua các hoạt động nói, nghe, đọc, viết. GV kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá định kì nhằm giúp HS phát triển các năng lực và phẩm chất.

Để đánh giá các năng lực và phẩm chất của HS trong môn Tiếng Việt, GV cần chú ý sử dụng các động từ mô tả mức độ. Ví dụ:

Mức độ Biết: nhận biết, chỉ ra, kể lại, thuộc lòng,...

Mức độ Hiểu: xác định, giải thích, tóm tắt, nhận xét, đánh giá,...

Mức độ Vận dụng: so sánh, liên hệ, viết, bày tỏ,...

4.2. Hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực

4.2.1. Đánh giá hoạt động nói – nghe

GV cần tập trung vào các yêu cầu sau: (1) HS nói đúng chủ đề, nội dung và mục tiêu cần luyện tập, (2) HS biết điều chỉnh âm lượng nói phù hợp với từng hoàn cảnh (nói cho bản thân, nói trong nhóm nhỏ, nói trước lớp), (3) HS biết thể hiện sự quan tâm, chú ý khi lắng nghe bạn, có thái độ lắng nghe tích cực, (4) bước đầu biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (cơ thể, điệu bộ, gương mặt, giọng nói, cử chỉ,...) khi tham gia hoạt động nói và nghe. Để phát triển năng lực giao tiếp của HS, GV cần tôn trọng các ý kiến, quan điểm của HS, tạo các điều kiện và cơ hội trải nghiệm ngôn ngữ để giúp HS phát huy tối đa kinh nghiệm ngôn ngữ và kinh nghiệm xã hội của bản thân, thể hiện được các suy nghĩ của bản thân thành lời nói.

4.2.2. Đánh giá hoạt động đọc

Hai nội dung GV sẽ đánh giá là khả năng đọc lưu loát và đọc hiểu.

Về khả năng đọc lưu loát, GV dựa trên các tiêu chí sau: (1) độ chính xác khi giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng/ tổng số tiếng đọc được trong 60 giây), (2) tốc độ giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng¹ trong 60 giây), (3) khả năng ngưng nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu. Theo đó, khả năng đọc lưu loát của HS ở lớp 1 cần đạt tối thiểu như sau:

Thời điểm	Đầu lớp 1	Giữa lớp 1	Cuối lớp 1
Độ chính xác ²	< 90%	90 – 96%	> 97%
Tốc độ đọc	0 – 10 tiếng/ phút	15 – 30 tiếng/ phút	40 – 60 tiếng/ phút

Có thể sử dụng bảng từ gồm các “tiếng rỗng” (tiếng có thể đánh vần, đọc được nhưng không có nghĩa. VD: *ận, ngẩng, khoạc, ...*) để đánh giá khả năng giải mã của HS³.

Về khả năng đọc hiểu, GV cần đánh giá các khả năng sau:

- (1) nhận biết chi tiết, hình ảnh, lời nhân vật, từ ngữ chỉ hình dáng, hành động, màu sắc, âm thanh được thể hiện tường minh trong văn bản;
- (2) chỉ ra được nội dung, chủ đề của văn bản thông qua gợi ý;
- (3) liên hệ tranh minh hoạ với các chi tiết trong văn bản;
- (4) liên hệ nội dung của văn bản với đời sống cá nhân.

GV có thể sử dụng một văn bản hoặc đoạn văn truyện/ thơ/ thông tin có độ dài từ 30 – 45 chữ, cho HS đọc thành tiếng hoặc đọc thầm, và trả lời câu hỏi đọc hiểu theo các yêu cầu đánh giá ở trên GV có thể kết hợp đánh giá quá trình kĩ năng đọc lưu loát của HS.

4.2.3. Đánh giá hoạt động viết

Có hai nội dung đánh giá hoạt động viết của HS:

Đánh giá kĩ thuật viết: được thể hiện trong các hoạt động tập viết (viết chữ, tiếng, từ, cụm từ, câu, tô chữ viết hoa và viết câu ứng dụng), hoạt động chính tả (nhìn – viết, nghe – viết). Để đánh giá định kì kĩ thuật viết, GV có thể sử dụng một đoạn văn/ thơ có độ dài tương ứng với chuẩn chương trình, hàm chứa các yếu tố

¹ Số tiếng đọc đúng: bao gồm số tiếng HS giải mã đúng và số tiếng HS giải mã sai nhưng tự sửa lại trong vòng 3 giây.

² Tỷ lệ phần trăm của độ chính xác dựa theo nghiên cứu của Timothy V. Rasinski, Nancy Padak (2005), *3-minutes assessment* và Timothy V. Rasinski (2011), *Reading fluency assessment*, Pacific Resources for Education and Learning.

³ Tùy tình hình thực tế dạy học ở địa phương, nhà trường và GV có thể sử dụng cách đánh giá khác.

chính tả có quy tắc, chính tả phương ngữ, các kỹ thuật viết để cho HS nhìn – viết hoặc nghe – viết. Tốc độ viết vào cuối lớp 1 khoảng 35 chữ/ 15 phút.

Đánh giá kỹ năng viết: được thể hiện trong các hoạt động viết sáng tạo dưới các hình thức như viết theo mẫu câu, điền phần thông tin còn trống, viết theo gợi ý, viết tự do. Với kỹ năng viết này, GV cần đánh giá dựa trên ý tưởng của trẻ theo hướng động viên, khuyến khích, giúp trẻ phát huy trí tưởng tượng, và mạnh dạn thể hiện quan điểm, ý kiến cá nhân. Tránh việc chú trọng đánh giá về các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

GV cần thể hiện 4 vai trò đánh giá bài viết của HS: độc giả, người trợ giúp, người đánh giá và giám khảo. GV cũng cần tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

Để đánh giá định kỳ kỹ năng viết, GV có thể kết hợp trong bài đánh giá định kỳ đọc hiểu một yêu cầu thể hiện một số kỹ năng viết theo yêu cầu chương trình (VD: điền phần thông tin còn trống, viết câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung đã đọc, viết câu giới thiệu bản thân,...).

4.2.4. Đánh giá phẩm chất và năng lực chung

GV cần chú ý tập trung vào các hành vi, việc làm, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong quá trình tham gia các hoạt động đọc, viết, nói, nghe; thực hiện bằng phương pháp định tính thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời, nhận xét có ghi chú,...

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ KIỂU BÀI

1. KIỂU BÀI DẠY HỌC ÂM VẦN MỚI

Kiểu bài âm vần mới được sắp xếp liên tục 4 bài/ tuần; mỗi bài 2 tiết. Kiểu bài học âm chữ mới hay kiểu bài học vần mới đều có cấu trúc tương tự. Dưới đây là một gợi ý dưới dạng hướng dẫn chung cho kiểu bài dạy học âm vần mới.

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ kinh nghiệm xã hội, ngôn ngữ của bản thân, nói về bài học:
 - Trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề (hoặc tranh chủ đề, nếu có) gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề¹.
 - Quan sát tranh, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi có tiếng chứa âm vần được học trong bài.
2. Nhận diện sự tương hợp giữa âm vần và chữ được học; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn và ghép tiếng đơn giản chứa âm vần được học.
3. Viết đúng âm vần và tiếng có âm vần được học. Viết đúng cách viết nổi nét thuận lợi và nổi nét không thuận lợi.
4. Đánh vần, đọc các từ mở rộng có âm vần được học, hiểu nghĩa của các từ ngữ đó; đọc câu, đoạn ứng dụng và hiểu được nghĩa của câu, đoạn ứng dụng.
5. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm vần được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.

¹ Hoạt động này chỉ có ở bài 1, bài dạy học cặp âm chữ thứ nhất của tuần. Bài học các cặp âm chữ tiếp theo chỉ có khai thác ở tranh khởi động của bài.

6. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm, năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết, rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SGK, VTV, VBT, SGV.
- Thẻ từ (in thường, in hoa, viết thường).
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc.
- Tranh chủ đề (nếu có).
- Video clip về các nội dung liên quan với bài học (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí (GV có thể tổ chức hoạt động này hoặc không tổ chức. Nếu tổ chức, thì ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động giải trí có cài đặt âm vần được học và liên quan với bài học).
- Một số HS đọc, viết, đặt câu (nói) có một số từ ngữ có chứa tiếng chứa âm vần được học ở bài trước.

VD: Bài 2 iê – yê – uô – ươ, chủ đề Ước mơ, SGK tập 1 trang 163

- HS tham gia hát hoặc nghe bài hát “Ước mơ xanh”.
- HS trả lời câu hỏi “Bài hát nói về điều gì?”.
- Ba, bốn HS đọc từ có tiếng chứa vần *iê, uô, ươ*: *dược sĩ, ước mơ, xem xiếc, bó đuốc*.
- HS nhắc lại tên bài đọc vừa học hôm qua *Ước mơ theo nghề của ông*.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung bài *Ước mơ theo nghề của ông* “Bạn An ước mơ điều gì?”.

❖ **Lưu ý:** Khi ôn, kiểm tra, đánh giá việc nắm các âm vần vừa học, cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực, cụ thể, đánh giá tiến trình, VD: “*Con đã đọc tốt hơn rồi!, Con rất chăm chỉ., Con đã viết đúng và*

đẹp hơn., Con cần cố gắng hơn nhé!”; tránh nhận xét tiêu cực hoặc chung chung như: “Sai, bạn nào giúp bạn?, Tốt., Rất giỏi., Đáng khen., v.v..” Mặt khác, cần đánh giá thường xuyên bằng lời, không đánh giá bằng điểm số.

Tránh lạm dụng bảng cài vì vừa lãng phí thời gian vừa không tạo điều kiện luyện viết chữ (như dạng yêu cầu HS điền/ thay).

2. Khởi động

– HS lắng nghe GV giới thiệu tên bài hoặc tên chủ đề (trong sự kết nối với bài học trước, chủ đề trước), quan sát tranh chủ đề (nếu có) và phỏng đoán tên gọi đó (và hoặc tranh chủ đề) gợi nội dung gì – nội dung này thực hiện với bài 1 của mỗi chủ đề.

– HS nêu được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong bài mà tên chủ đề (và hoặc tranh chủ đề nếu có) có thể gợi ra (theo gợi ý của GV) hoặc HS quan sát tranh minh hoạ chủ đề (nếu có)¹.

– HS quan sát tranh, trao đổi, nói ra những từ ngữ chứa tiếng có âm vần được học (Có thể sử dụng một số câu hỏi gợi ý giúp HS phát hiện tiếng có âm vần được học, VD: “Tranh vẽ ai/ con gì/ cái gì?”, “Họ/ nó đang làm gì?”, “Họ/ nó thế nào?”).

– HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được – chung âm đầu hoặc âm chính, VD: *cà, cò, cô* – cùng âm đầu; *bà, cá, đá, chả* – cùng âm chính, v.v..

VD1: Bài D d – Đ đ, chủ đề 3 Đi chợ, SGK tập 1 trang 30

– HS lắng nghe GV giới thiệu tên chủ đề.

– HS trả lời câu hỏi *Em đi chợ/ siêu thị chưa? Ở đó người ta thường làm gì? Em thấy có những vật gì ở đó?*. Nếu có tranh chủ đề, GV tổ chức cho HS quan sát tranh và nói những gì thấy được qua quan sát tranh. (GV cũng có thể kết nối với bài trước Bé và bà, bé và bà đi chợ, v.v..)

– HS quan sát tranh khởi động và trả lời câu hỏi “*Cô chú đang mua bán những gì?*” (*dừa, dưa, dâu, dế; đu đủ, đậu đỗ,...*). GV sắp xếp các tiếng cùng âm đầu **d**: *dừa, dưa, dâu, dế*; **đ**: *đu đủ, đậu đỗ*.

¹ Hai hoạt động vừa nêu chỉ tiến hành với bài 1 (của mỗi chủ đề).

VD2: Bài 2 iêt – yêt – uôt – ươt, chủ đề 16 Ước mơ, SGK tập 1 trang 162

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới: Bài học trước các em học vần *iêc, uôc, ươc* và đọc bài *Ước mơ theo nghề của ông*, bài học hôm nay, chúng ta tiếp tục tìm hiểu về *ước mơ* với nhóm vần kết thúc bằng âm /-t/.

– HS quan sát tranh khởi động trao đổi, nói từ ngữ có tiếng chứa vần *iêt, yêt, uôt, ươt* (sử dụng một số câu hỏi gợi ý, VD: “Các bạn HS đang làm gì” (xem *dạy cách chiết cành, chơi cầu trượt, chuột máy tính, thiết kế trang phục*).

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài học và quan sát chữ ghi tên bài.

❖ Với các bài 2, 3, 4 của tuần: Tương tự như trên, chỉ khác ở điểm có thể không khai thác tên chủ đề và tranh chủ đề (nếu có) và từ ngữ mà tên chủ đề, tranh chủ đề gợi ra.

VD: Bài E e – Ê ê, chủ đề 2 Bé và bà, SGK tập 1 trang 26

GV liên kết với bài 3: V v (bà và tập võ, vẽ, cho bé vẽ...), hỏi “Tranh vẽ những gì? Bà, ông và chị em bé đang làm gì?...” (*bé, xe, vẽ, ghe; ghe, lê, khế*).

GV sắp xếp các tiếng cùng âm âm chính **e**: *bé, xe, vẽ, ghe*; **ê**: *ghế, lê, khế*.

3. Nhận diện âm vần được học

- HS quan sát chữ in thường, in hoa; HS đọc chữ ghi âm vần được học.
- HS vừa đọc vừa dùng ngón trỏ tô theo chữ trong SGK.
- HS dùng ngón trỏ viết chữ được học lên không khí hoặc mặt bàn.

VD1: Bài P – p – ph, chủ đề 6 Đi sở thú, SGK tập 1 trang 60

– HS quan sát nhận diện âm chữ được học *P p ph*.

– Phân tích và đánh vần mô hình tiếng *pa* (*pờ-a-pa*), tiếng *phi* (*phờ-i-phi*)

VD2: Bài iêt – yêt – uôt – ươt, chủ đề 16 Ước mơ, SGK tập 1 trang 162

– HS quan sát nhận diện vần các vần *iêt yêt uôt ươt* (có nguyên âm đôi và âm cuối /-t/).

– HS phân tích và đánh vần vần (*i-ê-tờ-iết, u-ô-tờ-uốt, ư-ơ-tờ-ươt*).

– HS phân tích và đánh vần mô hình tiếng *chiết* (*chờ-iêt-chiêt-sắc-chiết*).

4. Đánh vần và đọc trơn các tiếng có âm vần được học

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng khoá (Gợi ý: gồm những âm nào, thanh gì).

– HS đánh vần tiếng, đọc trơn từ có âm vần được học.

VD1: Bài S s – X x, chủ đề 6 Đi sở thú, SGK tập 1 trang 60

HS quan sát và đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá chứa tiếng có *p, ph*.

+ *pờ-a-pa pa nô*.

+ *phờ-i-phi phi ngựa*.

VD2: Bài iê – êt – uôt – ươt, chủ đề 16 Ước mơ, SGK tập 1 trang 162

HS quan sát và đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá có tiếng chứa vần *iê êt uôt ươt*:

+ *chờ-iê-et-chiê-et-sắc-chiê-et – chiê-et cành*

+ *yê-et hầu*

+ *chờ-uô-et-chuô-et-nặng-chuô-et – chuô-et máy tính*

+ *trờ-ươ-et-trươ-et-nặng-trươ-et – cầu trươ-et*.

❖ Lưu ý:

(1) GV chú ý hướng dẫn cho HS sử dụng sách khi học, tránh trường hợp chỉ cho HS nhìn bảng hoặc nhìn bài đọc qua trình chiếu PowerPoint. Vì sử dụng sách, đọc sách cũng chính là một kỹ năng mà GV cần hướng dẫn, cần rèn luyện cho HS.

(2) Khi hướng dẫn đánh vần tiếng, cần hướng dẫn HS đánh vần theo âm, không dùng tên chữ cái. VD: Đánh vần tiếng *học*, tiếng *bài* phải đánh vần *hờ-óc-hóc-nặng-học*, *bờ-ai-bai-huyền-bài*; không đánh vần *¹*hát-óc-hóc-nặng-học*; **bê-ai-bai-huyền-bài*. Hướng dẫn theo trình tự: âm đầu – vần – thanh; VD: Đánh vần tiếng *mẹ*, tiếng *sữa* phải đánh vần: *mờ-e-me-nặng-mẹ*, *sờ-ua-sua-ngã-sữa*.

(3) Ở những trường hợp đặc biệt như *kẻ, giỏ* và *au, ay*, nếu đánh vần theo âm một cách nhất quán sẽ là *cờ-e-ke-hỏi-kẻ*, *dờ-o-do/gio-hỏi-giỏ*, *á-u-au*, *á-y-ay*. Còn đánh vần theo chữ sẽ là *ca-e-ke-hỏi-kẻ*, *di-o-gio-hỏi-giỏ*, *a-u-au*, *a-y-ay*. Tùy vào thực tế dạy học, GV có thể chọn cách đánh vần theo

¹ Dấu * dùng đặt trước những kết hợp không được chấp nhận.

âm (1) hoặc theo chữ (2) miễn là phù hợp với tình hình lớp học, thuận tiện cho GV trong dạy học chính tả và dạy học đọc. Tuy nhiên chọn cách nào, GV cần thông báo cho phụ huynh ngay từ đầu năm học để có sự thống nhất giữa việc dạy học ở lớp của GV và việc hỗ trợ cho con em học tập ở nhà của phụ huynh.

(4) Với những HS có thể đọc trơn, GV không buộc HS đó đánh vần. Nếu HS có khó khăn về đọc, GV có thể cho HS đánh vần lại phần vần rồi ghép với âm đầu, VD: *ư-a-ư-a-sờ-ư-a-sư-a-ngã-sữ-a, a-nờ-an-bờ-an-ban-huyền-bàn*.

(5) Khi hướng dẫn HS đọc âm chữ, chỉ hướng dẫn phát âm một vài âm mà HS thường đọc sai do ảnh hưởng phương ngữ (và kiểu phát âm đó “bị xem là lỗi”, như *r, tr, ph, l* đọc thành *g, t, h, n*). Với những trường hợp vừa nêu, GV có thể lưu ý HS: khi đọc bài và khi nói năng ngoài gia đình thì nên dùng kiểu phát âm đúng. Ngoài ra, GV cũng không nên hướng dẫn, phân tích cấu âm của tất cả các âm, kiểu như “* Khi phát âm âm *b* (bờ) phải mím môi, phát âm âm *o* (o) phải tròn môi,...”.

Với những tiếng có “âm muộn”, VD: dạy âm chữ ***th, kh, ph***, GV có thể chú ý hướng dẫn cho HS phát âm, đọc tiếng, từ ngữ có ***th, kh, ph*** (số HS lớp 1 phát âm *th, kh* thành *h, x* hoặc “mất” *th, kh* khá nhiều). Ngoài ra, một số các em vùng phương ngữ Nam có thể có ảnh hưởng phương ngữ – phát âm *kh* thành *ph*. Nếu trong lớp có những HS thuộc một và hoặc cả hai nhóm vừa nêu, GV cần có kế hoạch (kết hợp với phụ huynh) hướng dẫn các em từ nghe đúng đến phát âm đúng, nói đúng, đọc đúng; từ phát âm, nói, đọc từ đơn đến phát âm nói, đọc từ phức, cụm từ, câu có tiếng chứa âm *kh*, VD: *khế, cá kho khế, Chị Khê mua khế về kho cá,...*

(6) Nếu lớp có HS phát âm sai những âm không do cấu tạo phức tạp, cũng không do ảnh hưởng phương ngữ, VD: HS phát âm sai âm *b, m, c*, GV cần trao đổi với phụ huynh để có chiến lược và biện pháp **chỉnh âm riêng** cho HS đó: từ nghe đúng đến phát âm đúng, nói đúng, đọc đúng; từ phát âm, nói, đọc từ đơn đến phát âm nói, đọc từ phức, cụm từ, câu có tiếng chứa âm mà HS phát âm sai.

(7) GV cần sử dụng đúng thuật ngữ, VD: *thanh* và *dấu ghi thanh*, nếu đọc/nói thì gọi là “*thanh*”, còn viết thì phải gọi là “*dấu*” (“*Tiếng đế mang thanh sắc*”; “*Chữ đế có dấu sắc trên đầu chữ ế*”); hoặc hỏi: “*Chữ này (d) đọc là gì?*” (*dờ*), không hỏi: “*Chữ này là chữ gì?*”.

5. Tập viết

a. Viết chữ hoặc vần vừa được học

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo các nét chữ của chữ cái, hoặc vần vừa được học, VD: *b, m; ch, ng, ngh, th, tr; ao, eo* (HS nêu được chữ cái gồm mấy nét, đó là những nét nào, điểm đặt bút, thứ tự các nét và điểm kết thúc, nếu là tổ hợp chữ cái thì cần nêu được tổ hợp chữ cái đó gồm mấy chữ cái, đó là những chữ cái nào, trật tự của từng chữ cái); vần, VD: *ao, en, ut* (HS nêu được vần được cấu tạo từ những chữ cái nào, nối nét ra sao).

– HS dùng ngón trỏ viết chữ lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS viết chữ vào bảng con, VTV.

– HS nhận xét bài của mình và bạn (chú ý điểm đặt bút, điểm kết thúc, kỹ thuật nối nét).

b. Viết tiếng

– HS quan sát cách GV viết và phân tích hình thức chữ viết của tiếng (gồm những chữ cái nào, chữ nào đứng trước, chữ nào đứng sau). (Ở bước viết tiếng không phân tích và không yêu cầu HS nhắc lại cấu tạo của chữ cái, vì HS đã được học.)

– HS dùng ngón trỏ viết chữ được học lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS viết chữ được học vào bảng con; HS nhận xét bài viết của mình và bạn (HS chú ý điểm đặt bút, điểm kết thúc, kỹ thuật nối các chữ cái trong một chữ, ghi dấu thanh).

– HS viết chữ, tiếng, từ ứng dụng được học vào VTV.

– HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, chọn biểu tượng tự đánh giá cho bài viết của mình.

(c) Viết chữ số (nội dung này được rèn luyện trong tuần 1, 2: viết các số từ 1 đến 9 và số 0)

– HS đọc chữ số; quan sát cách GV viết và phân tích hình thức chữ viết của số sẽ viết.

– HS dùng ngón trỏ viết chữ số được học lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS viết chữ số được học vào bảng con, nhận xét bài viết của mình và bạn.

– HS viết chữ số được học vào VTV; nhận xét bài viết của mình và bạn.

❖ **Lưu ý:** Nếu HS viết chậm, GV có thể cho các em luyện viết thêm vào buổi chiều, không bắt buộc tất cả HS phải viết “kín” VTV ngay trong buổi sáng.

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

a. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần đồng thanh lớn tiếng có âm chữ mới học, đánh vần nhỏ tiếng có âm vần đã được học, đọc trơn từ ngữ mở rộng chứa âm vần được học (và có thể đặt câu (nói) chứa tiếng có âm vần được học).

– HS tìm hiểu nghĩa của từ ngữ mở rộng chứa âm vần được học.

– HS nêu một số tiếng chứa âm được học (GV có thể gợi ý HS tìm những tiếng ngoài bài bằng cách quan sát các vật, việc xung quanh theo nguyên tắc từ gần đến xa, từ sự vật đến hành động, trạng thái, màu sắc. VD: học âm *o*, GV có thể cho HS tìm âm *o* trong các từ ngữ như (*ngón*) trỏ, (*cùi*) chỏ, (*đang*) hò, (*đang*) gõ, (*màu*) đỏ, to nhỏ,...). HS quan sát môi trường xung quanh có chữ ghi âm vần được học, HS đọc chữ được học (GV có thể hướng dẫn HS tìm thêm chữ được học bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh, VD: ở bảng tên của em, của bạn; ở tên cuốn sách, bảng Nội quy lớp học, Năm điều Bác Hồ dạy,...).

VD: Bài iết – yết – uôt – ươt, chủ đề 16 Ước mơ, SGK tập 1 trang 163

HS quan sát và đánh vần tiếng chứa vần *iết yết uôt ươt*, đọc trơn từ mở rộng.

+ sáng sờ-uôt-suôt-sắc-suốt – sáng suốt

+ yết thị

+ vờ-ươt-vươt-nặng-vươt – vượt khó

+ tập dờ-ươt-duơt-nặng-duơt – tập dượt

+ thờ-iết-thiết-sắc-thiết – thiết kế.

b. Đọc câu, đoạn, bài và tìm hiểu nghĩa của câu, đoạn bài ứng dụng

– HS nghe GV đọc mẫu.

– HS đánh vần một số từ ngữ khó đọc (có thể là từ có tiếng chứa âm vần mới, hoặc có cấu tạo âm tiết phức tạp, hoặc có biến thể ngữ âm phương ngữ, VD: từ có tiếng chứa các âm như *tr*, *r*, *s*, *l*, *n* đối với phương ngữ Bắc; hoặc từ chứa tiếng có *r*, *g*, có thanh ngã đối với phương ngữ Trung và Nam).

- HS đọc thành tiếng câu hoặc đoạn, bài ứng dụng.
- HS tìm hiểu nội dung của đoạn, bài được đọc (GV có thể đặt một vài câu hỏi đơn giản nhằm giúp HS hiểu nội dung của đoạn, bài như “Ai/ con gì/ cái gì?”, “Là gì/ Làm gì/ Thế nào?”, “Ở đâu?”, “Khi nào?”).

VD: Bài iết – yết – uôt – ươt, chủ đề 16 Ước mơ, SGK tập 1 trang 163

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng có vần mới học và đánh vần các tiếng: *chuột, vượt, thiết, biết*. (Với HS chậm, hoặc ảnh hưởng phương ngữ cần sửa, GV có thể cho HS đánh vần thêm các tiếng có thể khó với HS như *nhiều, máy, cuộc,...*)
- HS đọc trong nhóm nhỏ, đọc cá nhân:
 - + Tên bài
 - + Câu (khi HS đọc, GV hướng dẫn HS ngắt nghỉ đúng cụm từ có nghĩa)
 - + Bài.
- HS đọc ngắt nghỉ đúng (Người sáng chế chuột máy tính// En-gôn-bát/ là người/ sáng chế ra/ chuột máy tính.// Vượt qua bao khó khăn//, ông/ đã thiết kế/ nhiều thiết bị máy tính/ có ích cho con người.// Ông/ đã để lại/ cho cuộc đời/ bài học/ về sự bền bỉ vượt khó/ và biết theo đuổi ước mơ).

❖ Lưu ý:

- Tổ chức cho HS đọc đồng thanh, đọc cá nhân: **không nên lạm dụng** việc đọc đồng thanh; tăng cường đọc cá nhân trong nhóm nhỏ; việc gọi HS đọc cá nhân trước lớp, chỉ tập trung gọi những HS chưa nắm vững âm vần; không nên gọi tuần tự 1/2 hoặc 1/3 lớp, vì cách làm này mất thời gian, kém hiệu quả do không đảm bảo đúng nguyên tắc dạy học phân hoá và cũng không khuyến khích, nhắc nhở HS cố gắng rèn luyện.
- Việc đánh vần đồng thanh lớn đến vừa, nhỏ; đọc thành tiếng theo các mức độ lớn, vừa, nhỏ, thầm, mấp máy môi, không mấp máy môi và đọc hiểu, GV không chỉ dựa vào yêu cầu của chương trình mà còn phải dựa vào thực tế năng lực của các em HS mà GV trực tiếp giảng dạy để xác định mục tiêu dạy học cũng như thiết kế giáo án cụ thể.
- GV cần hướng dẫn cho HS có ý thức về âm lượng đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp (bằng cách vỗ tay để HS cảm nhận mức độ khác nhau của âm lượng).

7. Hoạt động mở rộng

– HS quan sát tranh, đọc câu lệnh (nếu có), tìm hiểu yêu cầu của hoạt động mở rộng (HĐMR).

– HS hát (kết hợp vận động), đọc đồng dao, đọc thơ, giải câu đố, tham gia trò chơi, mở rộng vốn từ,... theo nhóm hoặc cá nhân (Dựa vào nội dung bài và thực tế học tập của HS, GV lựa chọn hình thức tổ chức HĐMR sao cho phù hợp và hiệu quả).

VD: Bài / i – K k, chủ đề 3 Đi chợ, SGK tập 1 trang 33

– HS quan sát tranh phát hiện nội dung tranh (bút chì, bánh mì, kéo).

– HS nói câu có từ ngữ đã tìm (có thể tổ chức thi “Mua gì, bán gì?”).

Ngoài ra, GV có thể tổ chức trò chơi thi gọi tên nhanh các vật hoặc trò chơi kết hợp nói, hát bài mô phỏng bài đồng dao *Con kiến mà leo cành đa, cài đặt thêm i, k, gắn với chủ đề Đi chợ: Kì đà đi chợ đường xa / Vừa ra đến cổng/ Gặp bà kì nhông /...*

8. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có tiếng chứa âm vần vừa học.

– HS nắm nội dung đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học; đọc mở rộng (nếu có).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau.

2. KIỂU BÀI DẠY HỌC ÔN TẬP ÂM VẦN

Kiểu bài ôn tập âm vần mới được sắp xếp cuối mỗi tuần; mỗi bài 2 tiết. Kiểu bài ôn tập âm chữ hay kiểu bài ôn tập vần đều có cấu trúc tương tự. Dưới đây là một gợi ý dưới dạng hướng dẫn chung cho kiểu bài ôn tập vần.

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Nhận diện được các vần được học trong tuần.
2. Sử dụng được các vần đã học trong tuần để ghép tiếng mới.
3. Đánh vần tiếng có vần được học trong tuần, tập đọc nhanh bằng mắt tiếng có vần đã học, gia tăng tốc độ đọc trơn bài đọc¹.

¹ Tùy vào tiến trình dạy học, để GV chọn hình thức đánh vần đồng thanh lớn hay đánh vần nhỏ hay đánh vần thầm có mấp máy môi hay không mấp máy môi,...

4. Thực hiện đúng các bài tập chính tả.

5. Viết đúng cụm từ ứng dụng, nhìn – viết đúng hai dòng thơ¹.

6. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.

7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SGK, VTV, VBT, SGV.

– Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ kèm theo thẻ từ (nếu có).

– Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc.

– Một vài video clip về các nội dung liên quan với bài học (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

– HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí (ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động giải trí có cài đặt vấn đề được học và liên quan với chủ đề của bài).

2. Luyện tập đánh vần tiếng, đọc trơn đoạn, văn bản chứa âm vần được học

– HS nghe GV giới thiệu bài ôn tập.

– HS nhắc lại các âm vần vừa học trong tuần (Có thể tổ chức dưới dạng trò chơi học tập, như dán thẻ từ trên bảng, hoặc khoanh tròn các chữ trong một bảng chữ theo kiểu giải ô chữ đã được chuẩn bị trước; HS yêu cho nhìn tranh minh hoạ và đọc lại danh sách vần).

– Đối với bài ôn âm chữ, HS ghép âm chữ vừa học trong tuần với các âm chữ đã biết để tạo thành bảng ôn âm chữ. Đối với bài ôn vần, HS tìm điểm giống nhau giữa các vần vừa được nhắc lại (GV đưa bảng cấu trúc vần, yêu cầu HS điền/ ghép).

– HS đánh vần các tiếng có âm vần đã học trong tuần (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đánh vần theo các mức độ phát triển kỹ năng đánh vần).

– HS tìm tiếng, từ ngữ chứa tiếng có âm vần được học trong tuần.

¹ Nội dung tập chép hai dòng thơ được thực hiện từ tuần 15.

– HS đọc thành tiếng đoạn văn, văn bản.

– HS tìm hiểu nghĩa của đoạn văn, văn bản (Dựa vào nội dung đoạn văn, văn bản, GV có thể sử dụng câu hỏi “ai”, “gì”, “nào”, “ở đâu”, “làm gì”, “thế nào”,... Nếu đó là văn bản có tên văn bản, GV có thể hỏi tên văn bản, tên tác giả văn bản, thể loại văn bản (thơ hay là văn xuôi). Từ bài ôn của tuần 8, chủ đề: *Đồ chơi – trò chơi*, GV có thể hỏi những nội dung vừa nêu để hướng dẫn HS làm quen với các khái niệm tên bài văn, tên bài thơ, tên tác giả,...).

❖ **Các lưu ý** về hướng dẫn đánh vần, đọc; sử dụng sách; kiểm tra, đánh giá: tương tự bài hướng dẫn chung về dạy âm vần.

3. Luyện tập chính tả (Tuỳ vào bài cụ thể, nội dung này có thể được thể hiện ở SGK hoặc chỉ có ở VBT hoặc GV tự biên soạn thêm cho HS dựa trên tình hình HS).

– HS thực hiện bài tập chính tả vào VBT (Dựa trên cơ sở bài đọc và tên chủ đề, GV tự soạn bài tập cho HS. Bài tập chính tả quy tắc hay chính tả phương ngữ tuỳ thuộc vào lỗi chính tả thường gặp/ những trường hợp chính tả mà GV muốn luyện tập cho HS lớp mình.).

– HS kiểm tra bài tập chính tả, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với bài làm của mình.

4. Tập viết

a. Viết đúng cụm từ ứng dụng

– HS đánh vần các từ có trong cụm từ ứng dụng.

– HS tìm từ có chứa tiếng có âm vần đã học trong tuần.

– HS quan sát cách GV viết, phân tích hình thức chữ viết của tiếng, từ.

– HS dùng ngón trỏ viết từng từ lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS viết cụm từ ứng dụng vào vở (nhắc HS khoảng cách giữa các chữ).

b. Nhìn – viết (nhìn – viết, nội dung chính tả nhìn – viết được thực hiện từ tuần thứ 15 đến tuần 18)

– HS đánh vần (nếu cần) các tiếng có trong câu cần nhìn – viết ở sách HS.

– HS đọc câu/ dòng thơ cần nhìn – viết.

– Yêu cầu HS chép câu/ dòng thơ vào vở.

Lưu ý: Chương trình ghi rõ HS “biết viết chữ hoa”, nên mục đích của bài tập này giúp HS làm quen với chữ hoa, không buộc HS phải tô hoặc viết

chữ hoa. GV có thể hướng dẫn và cho phép HS viết chữ in hoa. Nếu HS viết chậm, GV có thể cho các em luyện viết thêm vào buổi chiều, không bắt buộc các em phải viết “kín” VTV.

❖ Hoạt động tự chọn

Tuỳ vào nội dung bài học và thời gian cho bài học, GV có thể cho HS hát/ đọc đồng dao, đọc thơ, hát bài hát thiếu nhi vui nhộn (ưu tiên bài có nhiều tiếng có vần vừa được ôn và liên quan đến chủ đề của bài học).

5. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ chứa vần vừa được ôn tập, nhắc lại mô hình đánh vần tiếng được học.
- HS nắm được nội dung đọc, viết thêm ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi); nắm được nội dung đọc mở rộng (nếu có).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau.

3. KIỂU BÀI DẠY HỌC THỰC HÀNH

Kiểu bài dạy học thực hành được bố trí trong 1 tiết, ở các tuần học âm vần, kiểu bài này có thể bố trí vào tiết thứ 9, sau khi đã học xong 8 tiết âm vần mới. GV có thể lựa chọn nội dung tuỳ vào thực tế dạy học, phần soạn ở VBT chỉ là một gợi ý. Minh họa dưới đây cho kiểu bài thực hành ở phần âm vần.

MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các âm vần được học trong tuần.
2. Nhận diện đúng âm, vần được học trong tiếng, từ.
3. Tập đọc nhanh tiếng có âm vần đã học, đọc được câu, đoạn ứng dụng.
4. Nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ¹.
5. Hoàn thành được cụm từ hoặc câu theo từ ngữ, tranh minh họa đã cho.
6. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

¹ Mục tiêu nhận diện hiện tượng chính tả có quy tắc, chính tả phương ngữ tùy thuộc vào nội dung của tuần, giai đoạn.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– VBT, VTV, SGK, SGV.

– Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí (ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động giải trí có nội dung liên quan đến chủ đề của bài học).

2. Luyện tập viết chữ, tiếng, từ ngữ chứa âm vần được học

– HS quan sát các kí hiệu dùng trong VBT (VD: kí hiệu nói, viết, điền).

– HS thực hiện bài tập: tập viết/ nhìn – viết, nội dung liên quan chủ đề của bài học.

– HS thực hiện bài tập chính tả có quy tắc, bài tập chính tả phương ngữ.

– HS rà soát, tự đánh giá bài mình, bài bạn (chọn biểu tượng đánh giá phù hợp).

3. Luyện tập đánh vần tiếng/ từ ngữ chứa vần chữ đã học và đọc trơn đoạn văn/ văn bản chứa vần chữ đã học

– HS đọc đoạn văn/ văn bản có từ ngữ có tiếng chứa âm vần cần thực hành.

– HS tìm hiểu nghĩa của đoạn văn/ văn bản được đọc (tương tự bài dạy âm vần)¹.

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng/ từ có âm vần mà HS thường mắc lỗi khi đọc, viết (Chú ý các trường hợp dễ nhầm lẫn do kiểu dáng chữ, như *n – u*, *ă – â*; do ảnh hưởng phương ngữ, như *tr – ch*, *r – g*; hoặc do trật tự các chữ cái trong tổ hợp âm vần, như *ua*, *au*, *ui*, *iu*; hoặc do cấu tạo âm tiết, như *ngoằn ngoèo*, *khuyủu*, ...).

– HS nắm được nội dung, yêu cầu đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học.

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau.

4. KIỂU BÀI DẠY HỌC LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

Kiểu bài luyện tập tổng hợp được bố trí trong 14 tuần với 14 chủ đề. Dưới đây là một gợi ý dưới dạng hướng dẫn chung cho kiểu bài luyện tập tổng hợp.

¹ GV có thể dựa vào gợi ý ở VBT hoặc GV tự biên soạn thêm nội dung thực hành phù hợp với HS.

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ kinh nghiệm xã hội, ngôn ngữ của bản thân, nói về bài học:
 - Trao đổi với bạn về những nội dung mà tên chủ đề (và hoặc tranh chủ đề, nếu có) gợi ra.
 - Quan sát tranh, đọc tên bài đọc, trao đổi với bạn những phán đoán về nội dung bài đọc.
2. Đọc trơn bài đọc, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Đánh vần vần khó và tiếng chứa vần khó; tìm được trong bài, ngoài bài từ ngữ có tiếng chứa vần cần luyện tập; đặt được câu có từ ngữ tìm được.
4. Nêu được nội dung, ý nghĩa của bài đọc, biết liên hệ bản thân.
5. Tô được chữ hoa, viết được câu ứng dụng; viết được đoạn chính tả nhìn – viết hoặc nghe – viết.
6. Phân biệt đúng chính tả có quy tắc và bước đầu làm quen với chính tả phương ngữ.
7. Luyện nói và viết sáng tạo.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua các hoạt động học tập; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SGK, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật (nếu có) dùng minh họa từ ngữ có vần khó.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (câu có thán từ, tiểu từ tình thái; đoạn có hội thoại,...); tranh minh họa chủ đề (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS tham gia trò chơi hoặc một hoạt động giải trí (ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động có chứa âm vần được học và liên quan với nội dung bài học. GV có thể tổ chức hoặc không).

– HS trả lời một vài câu hỏi về bài học tuần trước (tên bài, nội dung bài, bài tập chính tả).

2. Khởi động

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề (GV giải thích ý nghĩa của tên chủ đề trong sự kết nối với bài học, nếu là bài đầu tuần – bài đầu tiên của chủ đề).

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa ở phần khởi động của bài đọc và nói về các sự vật, hoạt động, trạng thái được biểu thị trong tranh. (GV gợi ý để HS sử dụng một số từ ngữ biểu thị hình ảnh, nhân vật, sự vật, sự việc sẽ xuất hiện trong bài tập đọc.)

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (GV đọc diễn cảm; trước khi đọc mẫu, GV nhắc HS chú ý một số chi tiết chẳng hạn nhân vật, tình tiết hoặc từ ngữ khó đọc, khó hiểu).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó trong bài do ảnh hưởng biến thể ngữ âm phương ngữ; hướng dẫn cách ngưng nghỉ theo dấu câu, cách đọc câu có từ ngữ thán từ, tiêu từ tình thái (Với HS lớp 1, chưa yêu cầu đọc phân vai).

– HS đọc thành tiếng. (GV phải tổ chức đọc theo nhóm nhỏ để đảm bảo từng HS đều đọc hết bài đọc hoặc ít nhất một đoạn trong bài đọc; **không tổ chức đọc luân phiên từng câu**. GV cần lưu ý việc sửa cách phát âm/ việc đọc sai của trẻ theo hướng tiếp cận cá nhân, không nhận xét, sửa sai trước toàn lớp, trừ trường hợp có nhiều HS trong lớp cùng mắc lỗi tương tự).

– HS giải thích nghĩa của từ với sự gợi ý, hướng dẫn của GV (**Lưu ý:** Hạn chế cách giải thích nghĩa của từ điển. Tận dụng cách giải thích nghĩa bằng phương pháp trực quan, đặt câu hoặc dùng ngữ cảnh nếu có thể. Hoặc GV cũng có thể cho HS giải nghĩa từ khó bằng cách nối từ với nghĩa của từ hoặc tranh ảnh gợi nghĩa,...).

– HS đọc lại bài đọc và tìm tiếng trong bài có vần cần luyện tập. (GV yêu cầu HS đọc to tiếng/ từ chứa vần khó cần luyện tập; GV hướng dẫn HS cách đánh vần vần khó và tiếng/ từ chứa vần khó; GV nhắc HS chú ý nhìn trật tự của các con chữ để tránh nhầm lẫn khi gặp các vần có hình thức đảo ngược, như *ui, iu; ua, au*.)

– HS tìm từ ngữ ở ngoài bài có vần cần luyện tập. (Với HS yếu, có thể cho HS đọc từ mẫu trong SGK và giải thích nghĩa của từ bằng nhiều hình thức khác nhau.)

– HS đặt câu có từ ngữ chứa tiếng có vần vừa tìm được (GV có thể nêu mẫu ngắn gọn, dùng từ mẫu ở SGK, để hướng dẫn).

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SGK (Nếu HS chưa hiểu rõ câu hỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi nhỏ hơn, nếu HS giỏi, GV có thể hỏi thêm câu hỏi giải thích nguyên nhân, câu hỏi suy đoán và câu hỏi dạng vận dụng sáng tạo. GV có thể hỏi các nội dung, như tên bài đọc, tên tác giả, bài có mấy đoạn, có mấy nhân vật, đó là những nhân vật nào, ai là nhân vật chính – gợi ý: nhân vật chính là nhân vật được nói đến nhiều nhất,...)¹.

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

a. Tô chữ viết hoa và viết câu ứng dụng

a1. Tô chữ hoa

– HS nắm được ý nghĩa của việc viết hoa. Gợi ý: GV yêu cầu HS viết tên của mình ra giấy (GV cũng có thể sử dụng chính tên của mình để viết lên bảng). Cho HS so sánh tên riêng của mình với tiếng giống tên riêng được đặt trong câu nói bình thường và ở đầu câu. VD: “Cô tên là Mai.”, “Cây mai đã nở hoa.”, “Mai là ngày đầu năm mới.”.

– GV treo chữ mẫu lên bảng, yêu cầu HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ viết hoa. (GV có thể lặp lại lần 2 quy trình tô chữ hoa để HS quan sát và ghi nhớ.)

¹ Để rèn luyện, củng cố thêm kĩ thuật đọc hiểu cho HS, một số bài, câu hỏi đọc hiểu về nội dung, ý nghĩa của bài bên cạnh các bài đọc trong SGK, còn được đưa vào phần bài tập, như bài *Bông hoa niềm vui*, tuần 21, chủ đề *Những bông hoa nhỏ*; bài *Chợ hoa ngày Tết ở Hà Nội*, tuần 23, chủ đề *Tết quê em*; bài *Mẹ của thỏ bông*, tuần 25, chủ đề *Mẹ và cô*; bài *Chuyện xảy ra trên đường*, tuần 29, chủ đề *Đường đến trường*). Hoặc nội dung luyện tập đọc hiểu nội dung và đọc hiểu hình thức, nhận biết trình tự của các hoạt động được thể hiện ở bài tập đọc được đưa vào tiết thực hành, như bài *Đội mũ bảo hiểm thế nào cho đúng?*, tuần 27, chủ đề *Những người bạn im lặng*; bài *Bạn có biết giặt ba lô?*, tuần 28, chủ đề *Trong chiếc cặp của em*. Hoặc nội dung “đọc hiểu” thông tin bằng hình ảnh – hiểu nghĩa của một số tín hiệu đơn giản, gắn gũi với HS được đưa vào tiết thực hành tuần 29, chủ đề *Đường đến trường*.

- HS dùng ngón tay viết con chữ hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ hoa vào VTV (GV nhắc HS chú ý các điểm đặt bút và kết thúc, nối nét).

a2. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng. (GV giải thích nghĩa của câu ứng dụng.)
- HS nghe GV nhắc lại quy trình tô chữ hoa và cách nối từ chữ hoa sang chữ cái viết thường; HS dùng ngón tay viết chữ ứng dụng lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV (GV nhắc HS chú ý các điểm đặt bút, điểm kết thúc, nối giữa chữ hoa và chữ thường, khoảng cách giữa các chữ trong một dòng, dấu chấm cuối câu).
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

b. Chính tả nhìn – viết hoặc nghe – viết

- HS đọc lại đoạn văn/ thơ được yêu cầu viết chính tả.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ hoặc do có nhiều hình thức chữ viết cho một âm (*d/ gi*) nếu có. GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa của những từ này và cách phân biệt chính tả (theo quy tắc, theo ngữ nghĩa,...) cho những trường hợp dễ nhầm lẫn với những từ này.

- HS nhìn hoặc nghe GV và viết đoạn văn/ thơ vào VTV (GV nhắc HS đếm từ hàng kẻ lẻ lùi vào 1 hoặc 2 ô, 3 ô tùy thể loại được viết).

Đối với bài chính tả nghe – viết, khi đọc, GV cần chú ý đọc 3 – 4 bước:

Bước 1: GV đọc cả đoạn văn/ thơ.

Bước 2: GV đọc từng câu/ từng dòng thơ, ngắt câu tại các cụm từ có nghĩa.

Bước 3: GV nhắc lại bước 2 nếu cần thiết.

Bước 4: GV đọc lại cả đoạn văn/ thơ để HS dò.

GV nhắc HS có thể viết chữ in hoa cho các chữ đầu dòng thơ hoặc đầu câu hoặc tên riêng; nhắc HS viết dấu chấm cuối câu.

- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

c. Bài tập chính tả lựa chọn

– HS đọc yêu cầu của từng bài tập.

– HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập (Với những HS chậm, GV có thể chia nhỏ câu hỏi để hướng dẫn HS). Đối với bài tập chính tả có quy tắc, GV yêu cầu HS nhắc lại quy tắc chính tả. Tìm thêm từ ngữ chứa tiếng thể hiện quy tắc đó.

– HS thực hiện bài tập, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

– HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền (GV tùy thực tế của lớp và tùy HS để hướng dẫn/ yêu cầu HS thực hiện nội dung này).

5. Luyện tập nói viết sáng tạo

a. Nói sáng tạo

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu của hoạt động.

– HS quan sát tranh (GV có thể đặt câu hỏi gợi ý để giúp HS thực hiện bài tập. Với HS yếu, GV có thể thêm câu hỏi phụ để hướng dẫn HS dùng các gợi ý trong tranh).

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (GV nhắc HS việc sử dụng âm lượng và điều khiển ánh mắt khi hỏi và trả lời; nhắc HS cách sử dụng ngôn ngữ cơ thể (biểu cảm gương mặt, cử động bàn tay,...) kèm theo, chẳng hạn, khi nói, em cần nhìn vào mắt bạn, ánh mắt thân thiện, tay em có thể để trên bàn; khi em nghe, em cũng cần nhìn vào bạn, thỉnh thoảng gật đầu và kèm theo một vài từ ngữ phù hợp để xác nhận em đang chăm chú lắng nghe, VD: *Ồ, vậy à, sao nữa, thú vị nhỉ, ...*).

b. Viết sáng tạo

– HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết. (GV hướng dẫn hoặc làm mẫu, nhắc HS chú ý viết hoa chữ đầu câu/ tên riêng (có thể viết chữ in hoa) và sử dụng dấu chấm cuối câu, khoảng cách giữa các chữ trong một câu.)

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào VBT.

– HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV (GV không nên sửa lỗi chính tả và lỗi đặt câu quá nhiều để tránh

khuyến HS chán viết, sợ viết. GV nên nhận xét về ý tưởng của HS. Các nhận xét của GV nên theo hướng động viên, khuyến khích).

6. Hoạt động mở rộng

- HS quan sát tranh, đọc câu lệnh, tìm hiểu yêu cầu của HĐMR.
- HS thực hiện HĐMR (HS có thể hát kết hợp vận động, đọc đồng dao, đọc thơ, giải câu đố, tham gia trò chơi... theo nhóm hoặc cá nhân; HS cũng có thể thực hiện nội dung trình bày việc đọc mở rộng của mình: tên truyện, tên bài thơ, tác giả, nhân vật, khổ thơ yêu thích,... Dựa vào nội dung bài và thực tế học tập của HS, GV lựa chọn hình thức tổ chức HĐMR sao cho phù hợp và hiệu quả).

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, nhân vật hoặc chi tiết hoặc khổ thơ em thích,...).
- HS nắm được nội dung đọc, viết thêm ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi); nắm được nội dung đọc mở rộng (nếu có).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau.

5. KIỂU BÀI DẠY HỌC KỂ CHUYỆN

Kiểu bài kể chuyện là kiểu bài giúp HS phát huy kỹ năng nghe – nói ở mức độ tổng hợp, tích hợp với các kỹ năng liên môn khác như quan sát, đọc tranh, đọc câu/ đoạn, trả lời câu hỏi, phán đoán, liên tưởng, sử dụng âm lượng phù hợp với từng hoàn cảnh và có thái độ nghe tích cực. Vì vậy, kể chuyện sẽ được tài liệu này đề cập đến dưới góc độ là một phương pháp dạy nói và nghe (xin xem mục 2.5. *Dạy nghe – nói trong kể chuyện*).

Như trên đã trình bày, *Tiếng Việt 1*, bộ sách *Chân trời sáng tạo*, nội dung kể chuyện bao gồm các dạng: nghe – kể, xem – kể, trong đó, nghe kể là chủ yếu. Dưới đây, tài liệu trình bày một gợi ý hướng dẫn tiết dạy nghe – kể.

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện, tên chủ đề và tranh minh họa.
2. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh họa và câu gợi ý/ câu hỏi/ hoặc cụm từ gợi ý dưới tranh.

3. Trả lời câu hỏi về nội dung câu chuyện và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.

4. Sử dụng các quy tắc nghe – nói trong khi nghe – kể (VD: âm lượng, ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể).

5. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.

6. Bồi dưỡng phẩm chất trung thực, biết yêu thương, chia sẻ với người khác¹.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SGK, SGV.

– Tranh minh hoạ truyện phóng to (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

HS trả lời một vài câu hỏi về truyện kể tuần trước. VD: “Tên câu chuyện là gì?”, “Ai là nhân vật chính?”, “Em thích nhân vật/ tình tiết nào nhất? Vì sao?”.

2. Luyện tập nghe và nói

– HS nghe GV giới thiệu hoặc thực hành một số kỹ năng nghe – nói trong khi kể. (VD: quy tắc sử dụng âm lượng trong khi nói theo cặp, trong nhóm nhỏ, trước toàn lớp; quy tắc lắng nghe tích cực và phản hồi tích cực; kỹ năng nhận diện trật tự diễn biến của câu chuyện thông qua một số dấu hiệu chỉ dẫn; kỹ năng nhận diện lời, hành động của nhân vật và đóng vai; kỹ năng lựa chọn giọng nói phù hợp với giọng nói của nhân vật).

– HS đánh vần và đọc trơn tên truyện.

– Dựa vào tranh minh hoạ, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Hình vẽ có những ai/ con gì/ cái gì?”, “Ai/ con gì/ cái gì xuất hiện nhiều nhất?”, “Câu chuyện diễn ra ở những nơi nào?”, “Có những chuyện gì xảy ra?”).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần 1 toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV sử dụng các biện pháp kích thích sự chú ý, tập trung theo dõi của HS.

¹ Tùy câu chuyện được kể, GV lựa chọn nội dung liên hệ phù hợp để hướng dẫn và tổ chức cho HS liên hệ.

– HS nghe kể lần 2 theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV sử dụng các kĩ thuật dạy học giúp HS ghi nhớ nội dung của từng đoạn truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ (với âm lượng nhỏ, đủ nghe trong nhóm nhỏ). (GV nhắc HS vận dụng các từ ngữ chỉ thời gian trong khi kể trong nhóm nhỏ; sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể và khi ngồi nghe kể.)

– HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp (với âm lượng kể trước cả lớp). (GV nhắc HS vận dụng các từ ngữ chỉ thời gian trong khi kể trước lớp; sử dụng ánh mắt, cử chỉ, biểu cảm của gương mặt khi kể trước lớp.)

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (HS sử dụng các biểu tượng bày tỏ cảm xúc hoặc trả lời câu hỏi đánh giá nhân vật (ở mức đơn giản như thích nhân vật nào nhất và giải thích lí do về sự lựa chọn của mình).)

❖ **Lưu ý:** Cuối mỗi chủ đề/ tuần, từ đầu HK I đến hết HK II đều có tiết kể chuyện. HS được nghe kể chuyện (theo chủ đề của bài học và theo tranh minh hoạ truyện), trả lời câu hỏi về nội dung của truyện và kể lại truyện; hoặc HS được xem tranh, trả lời câu hỏi dưới tranh và kể lại từng đoạn truyện theo tranh. Hoạt động rèn kĩ năng kể chuyện có ba mức độ yêu cầu cần đạt:

- (1) kĩ năng nghe – hiểu truyện; kĩ năng quan sát tranh và hiểu tranh;
- (2) kĩ năng kể từng đoạn câu chuyện;
- (3) kĩ năng kể toàn bộ câu chuyện.

Ba kĩ năng này được phân bố tăng dần theo độ khó.

Về tính tiến trình, *Tiếng Việt 1* sử dụng các gợi ý dưới tranh nhằm giúp HS đạt được các kĩ năng kể chuyện trên theo các cấp độ sau:

– Cấp độ 1: sử dụng câu kể gợi ý dưới mỗi tranh. Mỗi câu kể tương ứng với nội dung chính của từng đoạn truyện. Do vậy, HS có thể dựa vào câu kể để nắm được cốt truyện. (Cấp độ 1 được bố trí từ tuần 1 đến tuần 11.)

– Cấp độ 2: sử dụng câu hỏi gợi ý dưới mỗi tranh. Việc trả lời các câu hỏi gợi ý sẽ giúp HS nắm được nội dung chính của từng đoạn truyện. (Cấp độ 2 được bố trí từ tuần 12 đến tuần 24, không tính tuần 18 – tuần Ôn tập, kiểm tra.)

– Cấp độ 3: sử dụng cụm từ gợi ý dưới mỗi tranh. Các cụm từ này được tính toán để chỉ nêu đến các yếu tố truyện như bối cảnh, nhân vật. HS sẽ dựa vào gợi ý này để nhớ lại các tình tiết, diễn biến của cốt truyện. (Cấp độ 3 được bố trí từ tuần 25 đến tuần 34.)

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện, số lượng các nhân vật, nhân vật yêu thích.
- HS nắm được nội dung truyện, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (nếu có).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau.

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN, VỞ BÀI TẬP, VỞ TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT 1

1.1. Hướng dẫn sử dụng Sách giáo viên

SGV *Tiếng Việt 1* (hai tập) thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* được biên soạn với mục đích giới thiệu quan điểm biên soạn, những điểm mới của sách *Tiếng Việt 1* và các phương án dạy học các bài trong SGK *Tiếng Việt 1* (hai tập). Sách gồm hai phần lớn:

Phần một: Hướng dẫn chung, giới thiệu về quan điểm biên soạn, những điểm mới của sách *Tiếng Việt 1*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* và phần hướng dẫn chung về việc dạy học các kiểu bài: dạy học âm chữ, ôn tập âm chữ, dạy học vần, ôn tập vần, dạy tiết thực hành, dạy tập viết, dạy kể chuyện và dạy kiểu bài luyện tập tổng hợp. Cuối phần hướng dẫn chung là các phụ lục: *Tên gọi các chữ cái; Chương trình môn Tiếng Việt lớp 1; Phân bố tiến trình đọc, kể chuyện,...*

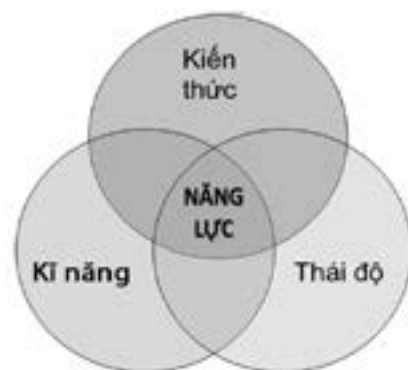
Phần hai: Hướng dẫn cụ thể bao gồm toàn bộ các thiết kế dạy học cho tất cả các bài học và tiết học có trong SGK và theo chương trình môn Tiếng Việt lớp 1. Cuối mỗi tập là các bài hướng dẫn GV thiết kế các tiết ôn luyện và đề kiểm tra cuối kì để GV tham khảo. GV có thể xem SGV như một phương án gợi ý cho các hoạt động dạy học cho tất cả kiểu bài. Tùy tình hình, đặc điểm HS lớp của GV đang dạy học, GV có thể thiết kế lại, chuyển đổi một số hình thức dạy học, đánh giá thậm chí cả một số bài tập cho phù hợp và đúng với tinh thần chương trình phát triển năng lực, dạy học phân hoá.

Phần *Hướng dẫn cụ thể* của SGV được trình bày theo đơn vị bài học, tuần và chủ đề. Tuy nhiên, ở từng bài học âm vần mới hoặc bài đọc hiểu – kiểu bài 2 tiết, để giúp GV chủ động giảng dạy phù hợp với trình độ, năng lực của HS lớp mình phụ trách, SGV *Tiếng Việt 1* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* không tách bạch từng tiết mà để chung 2 tiết.

Để giản tiện trong trình bày, tránh gây cảm giác nặng nề, nhàm chán, những lưu ý về đánh giá, nhận xét (kế hoạch, hình thức tổ chức, cách tiến hành, cách nói/ viết lời nhận xét đánh giá,...) về dạy học đại trà và dạy học

phân hoá; về nội hàm và ngoại diên của một vài thuật ngữ có tính cơ sở,... được nêu ở bài hướng dẫn chung về dạy học các kiểu bài mà không nêu ở từng bài cụ thể.

Theo các nhà tâm lí học, năng lực là tổng hoà kiến thức, kĩ năng, thái độ. Mục tiêu yêu cầu trong một bài dạy là những kết quả học tập mà mỗi HS cần đạt sau mỗi bài học/ tiết học. Mức độ cụ thể, chuyên biệt của các kết quả này phụ thuộc vào mức độ tường minh của các mục tiêu dạy học mà người GV hình dung trong đầu và diễn đạt chúng. Do đó, khi soạn mục tiêu bài học, người GV cần dùng từ ngữ chỉ các khả năng có thể quan sát trực tiếp và có thể kiểm soát được/ kiểm tra/ đánh giá được



mức độ đạt được của HS sau mỗi bài học. Từ kết quả này, GV sẽ có cơ sở để chỉnh sửa/ phản hồi cho những tiết học sau. Kết quả đạt được từ mỗi bài học là một lát cắt của quá trình phát triển năng lực và phẩm chất của HS. Do đó, việc phát triển năng lực và phẩm chất cho HS là một quá trình/ tiến trình chứ không phải chỉ thông qua một bài học. Mặt khác, vì năng lực của HS là sự kết hợp tổng hoà của cả ba yếu tố: kiến thức – kĩ năng – thái độ – phẩm chất, nên khi viết một mục tiêu theo định hướng năng lực, phẩm chất, người GV cũng cần dung một cách cụ thể sự kết hợp của cả ba yếu tố đó với các mức độ khác nhau. Vì những lí do trên, SGK *Tiếng Việt 1* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* được thiết kế mục tiêu theo hoạt động, sử dụng cụm động từ chỉ hoạt động để diễn đạt giúp GV quan sát được, lượng hoá được các hoạt động dạy học và kết quả thu được ở HS. Thêm vào đó các mục tiêu được trình bày theo thứ tự hoạt động giúp GV thuận tiện trong việc thiết kế hoạt động dạy học và tiến trình thực hiện một đơn vị bài học.

Các hướng dẫn cụ thể là những gợi ý GV tùy thuộc thực tế dạy học để cụ thể hoá phù hợp đối tượng dạy học và điều kiện dạy học.

Ngoài ra, để giúp GV tham khảo mở rộng thêm, SGK có những chú dẫn về nguồn tài liệu để GV thuận tiện khi tìm kiếm. VD: các chú dẫn về nguồn tài liệu tham khảo khi GV dạy các bài ở chủ đề *Ước mơ*, tuần 16; bài *Cầu vồng*, chủ đề *Mưa và nắng*, tuần 22, các bài kể chuyện ở các tuần 9, 14, v.v..

1.2. Hướng dẫn sử dụng Vở bài tập

Đề SGK có thể sử dụng được nhiều năm, VBT *Tiếng Việt 1* được thiết kế giúp HS rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, trong đó chủ yếu là đọc, viết và chủ yếu giúp HS rèn luyện kỹ năng làm việc cá nhân. VBT *Tiếng Việt 1* gồm 2 tập tương ứng với SGK tập một và tập hai. Các bài trong VBT tập một bám sát theo từng nội dung bài học ở SGK; tập trung chủ yếu rèn luyện kỹ năng đọc, viết; mở rộng vốn từ, rèn luyện tư duy. VBT dành hẳn một bài cho tiết thực hành với các nội dung dạy học như đã hướng dẫn ở kiểu bài dạy thực hành, mục 1.4, phần 1, trang 105. Do đặc thù riêng của phần luyện tập tổng hợp, phần luyện tập ở SGK được chuyển vào VBT tập hai. Bên cạnh đó còn có một số bài tập bổ sung, như bài tập đọc hiểu nâng cao, bài thực hành mở rộng,...

Các nội dung trong VBT tập một, phần lớn được dạy vào buổi chiều và vào tiết thực hành buổi chiều. Tuy nhiên, tùy tình hình thực tế của HS, GV có thể cho HS làm vào buổi sáng, nhất là với những HS khá giỏi, đã đọc trơn được.

Các nội dung trong VBT tập hai, nhưng đã nêu trên, hầu hết là các nội dung luyện tập ngay sau khi HS đọc hiểu văn bản; và SGK chỉ nêu các bài tập mà không chừa chỗ trống cho HS viết vào. Vì vậy, GV cần hướng dẫn HS sử dụng VBT trong mỗi buổi học, không chỉ vào tiết học buổi chiều như với VBT tập một.

VBT thường có cấu trúc: bài tập, phần cho HS giải bài tập, phần cho HS chữa lỗi và phần cho HS tự đánh giá. Ở bài ôn văn, từ tuần 7 trở đi, trong VBT có dành một phần nhỏ (thường là 1/3 trang) để GV chủ động thiết kế bài tập chính tả hoặc bài tập viết câu cho HS. Mở đầu VBT có bảng hướng dẫn các kí hiệu được sử dụng trong VBT. Các kí hiệu đều đơn giản nhưng có sức gợi hình dung đúng về nội dung mà kí hiệu biểu thị; nhiều kí hiệu được sử dụng trong SGK và VBT. GV chú ý hướng dẫn HS tìm hiểu, nắm vững các kí hiệu để thực hiện các bài tập viết đạt kết quả tốt.

1.3. Hướng dẫn sử dụng Vở tập viết

Do nội dung, mục đích, yêu cầu học tập môn Tiếng Việt của HS lớp 1, nên “đồng hành” với SGK và VBT là VTV. VTV lớp 1 được chúng tôi thiết kế trong hai tập.

VTV bao gồm các nội dung HS cần tập viết và viết chính tả (nhìn – viết, nghe – viết). Ở tập một và 2 tuần đầu học kì II, các nội dung tập viết và chính

tả nhìn viết được bố trí ngay sau hoạt động nhận diện âm vần mới. HS phải sử dụng VTV mỗi ngày.

Mở đầu VTV có bảng hướng dẫn các kí hiệu được sử dụng trong VTV. Các kí hiệu đều đơn giản nhưng có sức gợi hình dung đúng về nội dung mà kí hiệu biểu thị; nhiều kí hiệu được sử dụng trong SGK và VBT. GV chú ý hướng dẫn HS tìm hiểu, nắm vững các kí hiệu để thực hiện các bài tập viết và bài chính tả đạt kết quả tốt.

2. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH, THIẾT BỊ, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Cùng với hệ thống SGK, SGV, VBT, VTV, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty Cổ phần dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định xây dựng hệ thống nguồn tài nguyên sách và học liệu đi kèm SGK *Tiếng Việt 1*, bộ sách *Chân trời sáng tạo*.

2.1. Nguồn tài nguyên sách, thiết bị và học liệu điện tử

2.1.1. Hệ sinh thái đề tài đi kèm sách giáo khoa Tiếng Việt 1 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một và tập hai;
- Sách đọc mở rộng và hướng dẫn đọc mở rộng theo chương trình 2018;
- Thiết kế dạy học Tiếng Việt 1, tập một và tập hai;
- Tranh chủ đề Tiếng Việt 1, tập một và tập hai;
- Bộ tranh kể chuyện kèm theo SGK Tiếng Việt 1, tập một và tập hai.

2.1.2. Đĩa DVD hướng dẫn dạy học, các tiết giảng mẫu

- Kiểu bài dạy học âm chữ mới;
- Kiểu bài dạy học ôn âm chữ;
- Kiểu bài dạy học vần mới;
- Kiểu bài dạy học ôn vần;
- Kiểu bài dạy học kể chuyện;
- Kiểu bài dạy học luyện tập tổng hợp.

2.2. Một số hướng dẫn cách thức khai thác và sử dụng

GV, phụ huynh HS và HS có thể tìm mua sách và các tài liệu dạy học môn Tiếng Việt cho HS lớp 1 tại cửa hàng sách giáo dục trên toàn quốc. GV, phụ

huynh HS và HS cũng có thể tải các ebook, video clip tại kho tài liệu dạy học điện tử do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty Cổ phần dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định xây dựng. Cách thức tải các ebook, video clip tại kho tài liệu dạy học điện tử của Công ty Cổ phần dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam được hướng dẫn chi tiết, cụ thể và rõ ràng trên website của Công ty.

3. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC THEO THÔNG TƯ 3866

Thông tư 3866 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 8 năm 2019 (3866/BGDĐT-GDTH, 26/8/2019) hướng dẫn việc tổ chức dạy học lớp 1 năm học 2020 – 2021.

Thông tư 3866 chỉ rõ thời lượng dạy học: “tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; tối thiểu là 9 buổi/ tuần với 32 tiết/ tuần”. Theo đó, môn Tiếng Việt 12 tiết tuần, **với các lớp học 2 buổi/ ngày**, các trường có thể xếp lịch học môn Tiếng Việt vào các buổi sáng thứ 2, 3, 4, 5, 6, mỗi buổi 2 tiết liên tiếp, không xen kẽ môn khác vào giữa. Hai tiết còn lại, có thể bố trí vào một hoặc hai buổi chiều để HS rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, mở rộng vốn từ và nghe – nói. **Với các lớp bán trú**, nhà trường và GV có thể tổ chức thêm các hoạt động tích hợp, hoạt động mở rộng. Chẳng hạn, khi dạy chủ đề *Lớp em*, tuần 14, GV có thể cho HS thực hiện bài tập mở rộng vốn từ tích hợp với một số hoạt động thường gặp ở lớp bán trú như: xếp bàn ghế, xếp hàng lấy phần ăn, gấp chăn,... Hoặc khi dạy chủ đề *Những người bạn im lặng*, tuần 27, GV có thể tổ chức cho HS thi tìm hiểu về tên những vật dụng gia đình nhưng có ở trường học, như *nhà bếp, bàn ăn, nồi, xoong, chảo, gương, bồn rửa chén bát; chăn, chiếu, nệm, gối*,... **Với các lớp học một buổi**, nhà trường và GV có thể giảm bớt hoạt động mở rộng, hoạt động tự chọn.

Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 nói chung và chương trình môn Tiếng Việt tiểu học nói riêng được thiết kế theo hướng mở và trao quyền cho nhà trường, GV nhiều hơn trong việc xây dựng kế hoạch dạy học. Theo định hướng đó, SGK và SGV Tiếng Việt 1 được biên soạn không theo phân môn để nhà trường và GV chủ động trong việc xây dựng kế hoạch dạy học, sắp xếp thời khoá biểu cũng như tích hợp với các hoạt động giáo dục khác.

Trên đây là những giới thiệu chung, khái quát về tổ chức dạy học môn Tiếng Việt 1. Những hướng dẫn cụ thể, chi tiết GV có thể tìm hiểu ở SGV và sách thiết kế bài dạy cùng những tài liệu hỗ trợ khác.